

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Kinh tế nông nghiệp**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kinh tế nông nghiệp**

Mã ngành: **7620115**

THANH HÓA, THÁNG 12/2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế nông nghiệp (mã số 7620115)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 3395/QĐ-ĐHHD ngày 24/11/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp trình độ đại học họp ngày 28/11/2023; Thông báo số 303/TB-ĐHHD ngày 22/12/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2019-2024 về kết luận thông qua chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế nông nghiệp (mã số 7620115).

Điều 2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Nông Lâm Ngư nghiệp, đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3/QĐ;
- Lưu: VT, P.QLĐT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đậu Bá Thìn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
(Ban hành theo Quyết định số 4422/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Kinh tế nông nghiệp
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Agricultural Economics
Trình độ đào tạo	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7620115
Khoa quản lý chương trình:	Khoa NLNN
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	130 tín chỉ
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (130 tín chỉ);- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4,0);- Đánh giá đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam);- Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất;- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Kinh tế nông nghiệp
Vị trí việc làm	<p><i>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Đại học Kinh tế nông nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Các cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước, các Bộ, Ngành về kinh tế, kinh tế nông nghiệp và nông thôn, kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường từ cấp trung ương đến địa phương hoặc liên quan đến kinh tế.- Các cơ quan hoạch định, quản lý, chỉ đạo, thực hiện chính sách nông nghiệp và nông thôn, nông dân từ trung ương đến địa phương.

	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ trong các doanh nghiệp, trang trại, cơ sở chế biến, marketing, nông lâm thủy sản, các hợp tác xã, tổ chức tài chính và ngân hàng. - Nghiên cứu viên, giảng viên về lĩnh vực kinh tế, kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường, kinh tế nông nghiệp và nông thôn trong các cơ quan nghiên cứu, viện nghiên cứu, các trường ĐH, CĐ, TC. - Các tổ chức phi chính phủ về nông nghiệp, nông thôn, các công ty tư vấn về kinh tế, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các CT, dự án phát triển nông thôn, cộng đồng, quản lý tài nguyên môi trường.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước; - Học văn bằng 2 các ngành phù hợp theo quy định.
Chương trình tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp VN (https://vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/dao-tao-dai-hoc/cid/7544) - Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp, Trường ĐH Kinh tế - ĐH Huế (hce.edu.vn/#/detail/content Schild/nganh-kinh-te-nong-nghiep/31195/45) - Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên (http://fed.tuaf.edu.vn/bai-viet/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kinh-te-nong-nghiep-2020-7913.html). - Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp, Texas A&M university, Agricultural Economics - BS, Rural Entrepreneurship Option. (https://catalog.tamu.edu/undergraduate/agriculture-life-sciences/agricultural-economics/bs-rural-entrepreneurship-option/#programrequirementstext).

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh tế nông nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; có trình độ chuyên môn vững vàng về kinh tế nông nghiệp, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hóa nền kinh tế gắn liền với bảo vệ tài nguyên môi trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

PO1: Người học được cung cấp hệ thống kiến thức về lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về KHTN - môi trường, KHXH và nhân văn phù hợp; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ngoại ngữ, công nghệ số để vận dụng phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

PO3: Có kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn về kinh tế nông nghiệp để phân tích và khai thác hiệu quả các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp một cách bền vững.

1.2.2. Về kỹ năng

PO4: Phân tích, đánh giá, giám sát thực hiện các chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn; phân tích thị trường và tổ chức sản xuất – kinh doanh các ngành hàng nông sản đáp ứng nhu cầu thị trường, từ đó khai thác, sử dụng, quản lý và phát triển tài nguyên môi trường một cách hợp lý và bền vững.

PO5: Vận dụng kiến thức chuyên môn trong việc đề xuất, hoàn thiện chính sách nông nghiệp, phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên môi trường, phát triển nông thôn; tham gia, đánh giá việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách, các chương trình, dự án phát triển KT-XH lĩnh vực nông lâm nghiệp.

1.2.3. Về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PO6: Có phẩm chất chính trị, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, yêu nghề và gắn bó với nghề nghiệp; có năng lực tự chủ để khởi sự kinh doanh theo tư duy đổi mới sáng tạo; năng động, sáng tạo, tự tin, quyết đoán trong giao tiếp, đàm phán với các đối tác trong nước và quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức lý thuyết và thực tế, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử, thể hiện mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Người học phải đạt bậc 6 của Khung

trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ, cụ thể như sau:

2.1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

PLO3: Vận dụng kiến thức cơ sở về kinh tế vi mô, vĩ mô, nguyên lý thống kê, kế toán, tài chính, kiến thức cơ bản về nông nghiệp để phân tích, đánh giá các hoạt động trong kinh tế nông nghiệp.

PLO4: Xác định được các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, quản lý tài nguyên môi trường và phát triển nông thôn dựa vào thực tiễn và xu hướng phát triển kinh tế xã hội.

2.2. Về kỹ năng

PLO5: Đạt được trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

PLO6: Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh nông nghiệp, phát hiện và xử lý các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất, quản lý tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển nông thôn bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.

PLO7: Xây dựng các dự án đầu tư, chính sách nông nghiệp và nông thôn trong các tổ chức kinh tế, quản lý nhà nước các cấp đảm bảo hài hòa hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường.

PLO8: Sử dụng các công cụ, phần mềm chuyên ngành trong thu thập, phân tích, đánh giá thông tin quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế nông nghiệp

2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO9: Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức, chuẩn mực nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật và yêu nghề, có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

PLO10: Có năng lực tự chủ, tự tin giao tiếp, thuyết trình, đàm phán và làm việc nhóm, có kỹ năng vận dụng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo trong giải quyết vấn đề kinh tế nông nghiệp, hướng tới sự phát triển bền vững và đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				ĐK tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	BT, TL	Thực hành	Tự học			
A	KHỐI KIẾN THỨC GDĐC		42							
I	Lý luận chính trị, Pháp luật		13							
1	196055	Triết học Mác-Lê nin	3	32	26		135		1	LL Mác-LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-LN	2	21	18		90	1	2	LL Mác-LN
3	196065	Chủ nghĩa XH khoa học	2	21	18		90	1	3	LL Mác-LN
4	198030	Lịch sử Đảng CS VN	2	21	18		90	1	4	LSD-TT
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	1	4	LSD-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	24		90		3	Luật
II	Khoa học QL, KHXH & NV		5							
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		6	QTKD
8	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	154074	Văn hoá kinh doanh	2	18	24		90		2	Kinh tế
b	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	24		90		2	VNH-DL
III	Khoa học Tự nhiên - Công nghệ		14							
9	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135		1	MMT & UD
10	114025	Toán cao cấp	2	18	24	0	90		1	ĐS-HH
11	114005	Xác suất thống kê	3	27	36	0	135	10	2	ĐS-HH
12	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	163175	Sinh thái môi trường	2	15	20	10	90		2	KHD&MT
b	162093	Khoa học môi trường	2	15	20	10	90		2	KHD&MT
13	161126	Nông nghiệp đại cương	4	36	24	24	180		1	LN & PTNT
IV	Ngoại ngữ		10							
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	14	2	NN KC
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	15	3	NN KC
V	Giáo dục thể chất									
	191004	Giáo dục thể chất 1		2		28	90		1	LL&PP GDTC
	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1/5 HP</i>)			2						
a	191031	Bóng chuyền				30	90		2	Bóng - ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic				30	90		2	
c	191033	Bóng đá				30	90		2	
d	191034	Bóng rổ				30	90		2	
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo				30	90		2	
VI	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							TT GDQP

B	KIẾN THỨC GDCN		88							
I	Kiến thức cơ sở		22							
17	161127	Phương pháp NCKH trong NN	2	27	18	18	90		5	LN & PTNT
18	151050	Kinh tế vi mô	3	27	36	-	135	-	2	Kinh tế
19	151061	Kinh tế vĩ mô	3	27	36	-	135	18	3	Kinh tế
20	151016	Nguyên lý thống kê	3	27	36	-	135	11	3	Kinh tế
21	153105	Nguyên lý kế toán	3	27	27	9	135		2	KTQT
22	152140	Tài chính tiền tệ	3	27	36	-	135	2	3	TCNH
23	197010	Luật kinh tế	2	18	24	-	90	6	5	Luật
24	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	161128	Phát triển bền vững	3	27	28	8	135		4	LN & PTNT
b	161129	Kinh tế phát triển	3	27	36	-	135	20	4	LN & PTNT
II	Kiến thức ngành		38							
25	161131	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp	3	27	27	9	135		4	LN & PTNT
26	161132	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	3	27	27	9	135		5	LN & PTNT
27	161133	Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm	3	20	30	20	135		5	LN & PTNT
28	161134	Kinh tế tuần hoàn	3	27	27	9	135		5	LN & PTNT
29	161136	Chính sách nông nghiệp	3	27	27	9	135		5	LN & PTNT
30	161137	Chuỗi giá trị nông sản	3	27	27	9	135		6	LN & PTNT
31	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	161138	Thương mại nông sản quốc tế.	3	27	36	-	135		4	LN & PTNT
b	151045	Kinh tế quốc tế	3	27	36	-	135	19	4	Kinh tế
32	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	154121	Quản trị doanh nghiệp	3	27	26	10	135		4	QTKD
b	152007	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	27	36	-	135	22	4	TCNH
33	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	151065	Kinh tế đầu tư	2	18	24	-	90	18	6	Kinh tế
b	151041	Kinh tế thương mại	2	18	24	-	90	18	6	Kinh tế
34	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>									
a	161139	Logistics trong nông nghiệp	3	27	27	9	135	30	7	LN & PTNT
b	152100	Tài chính công	3	27	30	6	135	22	7	TCNH
c	152101	Thuế	3	27	30	6	135	22	7	TCNH
35	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	163071	Hệ thống nông nghiệp	3	20	30	20	135		7	KH cây trồng
b	161200	Nông lâm kết hợp	3	20	30	20	135		7	LN & PTNT
36	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									

a	163317	Lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	3	20	30	20	135		8	LN & PTNT
b	163568	Phát triển nông thôn	3	20	30	20	135		8	LN & PTNT
37	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	163295	Marketing nông nghiệp	3	20	30	20	135		7	LN & PTNT
b	163316	Khuyến nông	3	20	30	20	135		7	KH cây trồng
III	Kiến thức bổ trợ		12							
38	161141	Kinh tế tài nguyên & Môi trường	2	18	12	12	90		6	LN & PTNT
39	161142	Biến đổi khí hậu trong nông nghiệp	2	18	12	12	90		7	LN & PTNT
40	161143	Quản lý nguồn nhân lực trong nông nghiệp	2	27	36		135		6	LN & PTNT
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	152030	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	27	36		135	21	7	KTQT
b	154008	Kế toán quản trị chi phí		27	36		135	21	7	KTQT
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	161144	Quản lý trang trại	3	20	30	20	135		6	LN & PTNT
b	161146	Kinh tế nông hộ và trang trại		20	30	20	135		6	LN & PTNT
IV	Thực tập nghề nghiệp		5							
43	161151	Thực tập nghề nghiệp 1	2				135		6	LN & PTNT
44	161152	Thực tập nghề nghiệp 2	3				135		7	LN & PTNT
V	Thực tập TN/Khóa luận TN		11							
45	161161	Thực tập tốt nghiệp	5				180		8	Khoa NLNN; Khoa Kinh tế
	161162	Khóa luận tốt nghiệp	6				270		8	Khoa NLNN; Khoa Kinh tế
	Học phần thay thế KLTN									
46	161153	Chính sách phát triển nông thôn	3	20	30	20	135		8	LN & PTNT
47	161154	Kinh tế nông thôn	3	20	30	20	135		8	LN & PTNT
Tổng số tín chỉ			130							

Phân bổ số tín chỉ theo nội dung các khối kiến thức của chương trình

Khối kiến thức	Số tín chỉ
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương	42
7.1.1. Lý luận chính trị	13
7.1.2. Khoa học QL, Khoa học xã hội, nhân văn	5
- Bắt buộc	3
- Tự chọn	2
7.1.2. Khoa học Tự nhiên – Công nghệ	14
- Bắt buộc	12
- Tự chọn	2
7.1.3. Ngoại ngữ	10
7.1.4. Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)	
7.1.5. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88
7.2.1. Kiến thức cơ sở	22
- Bắt buộc	19
- Tự chọn	3
7.2.2. Kiến thức ngành	38
- Bắt buộc	18
- Tự chọn	20
7.2.3. Kiến thức bổ trợ	12
- Bắt buộc	6
- Tự chọn	6
7.2.4. Thực tập nghề nghiệp	5
7.2.5. Thực tập tốt nghiệp	5
7.2.6. Khóa luận tốt nghiệp	6
Tổng	130

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học Kỳ 1 (16TC: Bắt buộc 16; Tự chọn: 0)								
1	196055	Triết học Mác-Lê nin	3	x		32	26	0
2	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
3	114025	Toán cao cấp	2	x		18	24	0
4	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
5	161126	Nông nghiệp ĐC	4	x		36	24	24
	191004	Giáo dục thể chất 1	(2)	x				28
Học kỳ 2: (18TC: Bắt buộc 14; Tự chọn: 4)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác-LN	2	x		21	18	0
2	114005	Xác suất & Thống kê	3	x		27	36	0
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	154074	Văn hoá kinh doanh	2		x	18	24	0
b	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		x	18	24	0
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	163175	Sinh thái môi trường	2		x	15	20	10
b	162093	Khoa học môi trường	2		x	15	20	10
5	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	36	0
6	151050	Kinh tế vi mô	3	x		27	36	0
7	153105	Nguyên lý kế toán	3	x		27	27	9
		Giáo dục thể chất 2	(2)	x				30
Học kỳ 3: 16TC (16 TC bắt buộc)								
1	196065	Chủ nghĩa XH khoa học	2	x		21	18	0
2	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	24	0
3	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
4	151061	Kinh tế vĩ mô	3	x		27	36	0
5	151016	Nguyên lý thống kê	3	x		27	36	0
6	152140	Tài chính tiền tệ	3	x		27	36	0
Học kỳ 4: 16 TC (7 TC bắt buộc – 9 TC tự chọn)								
1	198030	Lịch sử Đảng CS VN	2	x		21	18	0
2	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		21	18	0
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	161128	Phát triển bền vững	3		x	27	28	8
b	161129	Kinh tế phát triển	3		x	27	36	0
4	161131	Nguyên lý kinh tế NN	3	x		27	27	9
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	161138	Thương mại nông sản quốc tế.	3		x	27	36	0
b	151045	Kinh tế quốc tế	3		x	27	36	0
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	154121	Quản trị doanh nghiệp	3		x	27	26	10

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
b	152007	Quản trị tài chính DN	3		x	27	36	
Học kỳ 5: 16 TC (16 TC bắt buộc)								
1	197010	Luật kinh tế	2	x		18	24	
2	161127	PP NCKH trong NN	2	x		27	18	18
3	161132	Quản trị KD nông nghiệp	3	x		27	27	9
4	161133	Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm	3	x		20	30	20
5	161134	Kinh tế tuần hoàn	3	x		27	27	9
6	161136	Chính sách nông nghiệp	3	x		27	27	9
Học kỳ 6: 17 TC (12 TC bắt buộc – 5 TC tự chọn)								
1	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
2	161137	Chuỗi giá trị nông sản	3	x		27	27	9
3	161141	Kinh tế tài nguyên & MT	2	x		18	12	12
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	161144	Quản lý trang trại	3		x	20	30	20
b	161146	Kinh tế nông hộ và trang trại	3		x	20	30	20
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	151065	Kinh tế đầu tư	2		x	18	24	0
b	151041	Kinh tế thương mại	2		x	18	24	0
6	161143	QL nguồn nhân lực trong NN	2	x		27	36	
7	161151	Thực tập nghề nghiệp 1	2	x				90
Học kỳ 7: 17 TC (3 TC bắt buộc – 12 TC tự chọn)								
1	161142	Biến đổi khí hậu trong nông nghiệp	2	x		18	12	12
2	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>							
a	161139	Logistics trong nông nghiệp	3		x	27	27	9
b	152100	Tài chính công	3		x	27	30	6
c	152101	Thuế	3		x	27	30	6
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	163071	Hệ thống nông nghiệp	3		x	20	30	20
b	161200	Nông lâm kết hợp	3		x	20	30	20
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	163295	Marketing nông nghiệp	3		x	20	30	20
b	163316	Khuyến nông	3		x	20	30	20
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	152030	Phân tích hoạt động KD	3		x	27	36	0
b	154008	Kế toán quản trị chi phí	3		x	27	36	0
6	161152	Thực tập nghề nghiệp 2	3	x				135
Học kỳ 8: 14 TC (5 TC bắt buộc – 9 TC tự chọn)								
1	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	163317	Lập và quản lý dự án PTNT	3		x	20	30	20

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
b	163568	Phát triển nông thôn	3		x	20	30	20
2	161161	Thực tập tốt nghiệp	5	x				180
3	161162	Khóa luận tốt nghiệp	6		x			270
	<i>Học phần thay thế KLTN</i>							
4	161153	Chính sách PTNT	3		x	20	30	20
5	161154	Kinh tế nông thôn	3		x	20	30	20

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên

a) Khoa KT-QTKD

Thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo. Số lượng, trình độ giảng viên phải phù hợp với Điều 10. *Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.*

Bảng 5.1. Thống kê Đội ngũ giảng viên Khoa KT - QTKD tham gia CTĐT tính đến tháng 06/2023

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	1	1	2
3	Tiến sỹ	2	7	9
4	Thạc sỹ			
	Tổng	3	8	11

a) Khoa NLNN

Bảng 5.2. Thống kê Đội ngũ giảng viên Khoa NLNN tham gia CTĐT tính đến tháng 06/2023

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	2	0	2
3	Tiến sỹ	1	8	9
4	Thạc sỹ	2	15	17
	Tổng	5	23	28

5.2. Phòng học:

Trường Đại học Hồng Đức được UBND tỉnh quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất cả về số lượng và chất lượng tương đối hiện đại, đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho công tác quản lý, điều hành, công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và đáp ứng một phần nơi ở của người học.

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn diện tích 1.379 m² với số lượng 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu

liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học. Hệ thống phòng học tiêu chuẩn, được lắp đặt các trang thiết bị trình chiếu, nghe nhìn đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy.

5.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan

Nhà trường có hệ thống thư viện 4.500m², trong đó có 1200m² phòng đọc, 200 chỗ ngồi; 120 máy tính phục vụ tra cứu và các loại giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí... đảm bảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên.

Trung tâm TTTV được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng; truy cập khai thác, sử dụng CSDL điện tử trên mạng do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục KHCN Quốc gia cung cấp; nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tài liệu trực tuyến ViNa; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại trung tâm Thông tin – Thư viện có 3 máy chủ dùng để cài đặt website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường thường xuyên được cải tiến, cập nhật.

Cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc tại các phòng thí nghiệm được quản lý, sử dụng đúng mục đích. Năm học 2022-2023, Khoa tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án “*Xây dựng và khai thác khu thực hành-thực tập, phòng thí nghiệm Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp gắn với phát triển các sản phẩm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển các sản phẩm mang thương hiệu Trường Đại học Hồng Đức*” góp phần thúc đẩy chuyển hóa sang giai đoạn 2 trước thời hạn (Hiện đã kết thúc các nội dung hỗ trợ giờ thực hiện Đề án, sang thành lập, vận hành khai thác “Quầy trưng bày và giới thiệu nông sản, thực phẩm” theo kế hoạch - Vận hành theo hướng tự chủ, từ nguồn vốn huy động từ CBGV), bước đầu tạo ra, phát triển và trưng bày được một số sản phẩm mang thương hiệu Trường Đại học Hồng Đức, như: Mô hình nuôi gà, nuôi bò, mô hình nuôi dê, mô hình nuôi trồng nấm Linh Chi, mô hình chế biến và sản xuất các sản phẩm từ Đồng Trùng Hạ Thảo, mô hình chế biến và sản xuất Trà Linh Chi túi lọc, mô hình dưa kim hoàng hậu trong khu nhà màng....

Việc đưa vào sử dụng Khu thực hành- thực tập, thí nghiệm có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó là bước tiến mới trong mục tiêu phát triển đào tạo, giảng dạy và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên luật từ lúc đang ngồi trên ghế nhà trường và là hành trang bổ ích phục vụ cho nghề nghiệp sau này.

5.4. Địa điểm thực hành/ thực tập/ thực tế/ tham quan

TT	Địa điểm	Ghi chú
1	Công ty CP công nông nghiệp Tiến Nông Thanh Hóa	274 B Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa
2	Công ty CP mía đường Lam Sơn	TT Lam Sơn, Thọ Xuân Thanh Hóa
3	Công ty CP Tập đoàn Tân Long	Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội,
4	Công ty TNHH New Hope Hà Nội	KCN Sài Đồng B - Phường Phúc Lợi - Quận Long Biên - TP. Hà Nội
5	Công ty CP xây dựng và thương mại phong cách mới	Số nhà 442 Lê Lai, Phường Đông Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá,
6	Tổng Công ty XD Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hoá	303 Bà Triệu, P.Hàm Rồng, TP T. Hóa
7	Công ty CP chế biến Lâm sản xuất khẩu Thanh Hóa	215 Bà Triệu, Phường Hàm Rồng, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá.
8	Công ty TNHH Văn Lang Yufukuya	Lô B, Khu Công nghiệp số 2, Khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Hải Yến, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
9	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	271 Nguyễn Phục, P. Quảng Thắng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Học phần 1. Triết học Mác - Lê nin/ Marxist philosophy

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 (Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (đánh giá bài thi trắc nghiệm)	CLO1 CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.

- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục & ĐT (2006), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Học phần 2. Kinh tế chính trị mác-lênin/ Political economy

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin, những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của	4	4	0	0	0	18

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
các chủ thể tham gia thị trường.						
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	18	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD&ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Học phần 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 19606532
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học, các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (đánh giá bài kiểm tra,	CLO1 CLO2 CLO3	

		<i>bài thảo luận nhóm)</i>		
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Học phần 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ History of the Communist Party of Vietnam

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống

Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO1; CLO2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1; CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO1; CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị). Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3. Nxb Chính trị Quốc gia.

2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật.

Học phần 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh's ideology

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người; Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý	2					6

nghĩa học tập TTHCM						
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1; CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1; CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. *Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15).

2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

Học phần 6. Pháp luật đại cương/ General law

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	18	24		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kì (01)				
	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	20%
III. Thi cuối kì				
	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc:

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*. NXB Lao động

8.2. Học liệu tham khảo:

1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*. NXB Công an nhân dân.
2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*. Nxb Công an nhân dân.

Học phần 7. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/Business startup and innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (ĐMST) từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy ĐMST; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp ĐMST; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp ĐMST và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.
- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp ĐMST có tính khả thi cao.

- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp ĐMST	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp ĐMST	4	7		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp ĐMST	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp ĐMST	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp ĐMST	4	4		20
Tổng	27	36		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm/viết (2 bài)	Đáp án	CLO1 CLO2	30%

2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
II. Đánh giá giữa kỳ (20%)				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
III. Thi cuối kỳ (50%)				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: SV phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của GV; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017), *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*. NXB Phụ nữ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Eric Ries (2018), *Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)*, Dương Hiếu & Kim Phượng (dịch). NXB Thời đại.

2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*. NXB Đại học kinh tế quốc dân

Học phần 8. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Văn hóa kinh doanh/Business Culture

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 14TL, 10TH)
- Mã học phần: 154074
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hoá kinh doanh (triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh), xu hướng phát triển văn hoá kinh doanh Việt Nam và thế giới. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn về các vấn đề văn hóa và đạo đức trong hoạt động kinh doanh.

2. Mục tiêu học phần

-CO1: Người học có kiến thức tổng quát về văn hóa trong cuộc sống và kinh doanh.

-CO2: Người học xác lập và xây dựng được văn hoá kinh doanh phù hợp với đặc điểm của cá nhân và doanh nghiệp.

-CO3: Người học có thể phát triển kỹ năng xây dựng chương trình, phương án phát triển văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp.

-CO4: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề văn hóa trong kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

-CLO1: Hiểu được kiến thức chung về văn hóa kinh doanh như: Triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân và văn hóa kinh doanh trong thời kỳ hội nhập, biết được các mô hình và cách thức xây dựng các chuẩn mực đạo đức và văn hóa của các doanh nghiệp, doanh nhân Việt nam cũng như thế giới.

-CLO2: Người học xác lập và xây dựng được văn hoá kinh doanh phù hợp với đặc điểm của cá nhân và doanh nghiệp..

-CLO3: Phân tích, đánh giá được triết lý, tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp trong tương lai

-CLO4: Tự tin trong xây dựng kế hoạch, phát triển kỹ năng xây dựng chương trình, phương án phát triển văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp.

-CLO5: Người học đủ năng lực để tự phát triển nhận thức về các hành vi đạo đức, văn hoá trong kinh doanh, từ đó có đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, có văn hóa trong công việc, có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề văn hóa kinh doanh phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Tổng quan về văn hóa kinh doanh	2	1				15
Nội dung 2: Triết lý kinh doanh	2	2				15
Nội dung 3: Đạo đức kinh doanh	3	2				15
Nội dung 4: Văn hóa	3	3		4		10

doanh nhân						
Nội dung 5: Văn hoá doanh nghiệp	3	2		4		10
Nội dung 6: Văn hoá doanh nghiệp trong các hoạt động kinh doanh	2	2				15
Nội dung 7: Văn hóa kinh doanh Việt Nam và Quốc tế	3	2		2		10
Tổng	18	14		10		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Nhập vai; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Thi viết/trắc nghiệm	Đáp án/rubric thi viết	CLO1-3	30 %
2	Bài thảo luận nhóm, bài thu hoạch thực hành thực tế	Rubric thảo luận nhóm/rubric thực hành thực tế	CLO2-5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO4, 5	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1-5	20 %
III. Thi cuối kỳ				
1	Trắc nghiệm trên máy	Đề thi và đáp án	CLO1-3	50 %
2	Bài tập lớn theo quy định (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1-3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên, 01 điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Dương Thị Liễu (2012), *Giáo trình Văn hóa Kinh doanh*. NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Văn Hải, Đặng Thị Hương (2022), *Giáo trình văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh*. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội

2. Nguyễn Mạnh Quân (2015), *Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

b. Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Basic of vietnamese culture

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)

- Mã học phần: 121005

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.

- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.

- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại.

Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Nhận biết được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3. Định vị VH Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4. Tiên trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5. Các vùng VH Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6. Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7. Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8. Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9. Văn hoá tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10. Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11. Văn hoá giao tiếp và văn hoá nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12. Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13. Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

T	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
3	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	20%
III. Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB Giáo dục

2. Đào Duy Anh (2021), *Việt Nam văn hóa sử cương*. NXB Văn hóa nghệ thuật, HN.

Học phần 9. Công nghệ số/Digital technology

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;

- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;

- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số	3	0	0	0		9

4.2. Kỹ năng công dân số						
4.3. Giáo dục công dân số						
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35)						
5.1. Soạn thảo văn bản						
5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu	4	0	0	35		65
5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính						
5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính						
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10)						
6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu	3	0	0	10		24
6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến						
6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến						

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	

	- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*. Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

Học phần 10. Toán cao cấp/ Advanced mathematics

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 24BT; 90TH)
- Mã học phần: 114025
- Bộ môn quản lý học phần: Đại số - Hình học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân của hàm số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức những kiến thức cơ bản về tập hợp, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân của hàm số.

- CO2: Người học có kỹ năng áp dụng được các kiến thức về toán cao cấp vào giải quyết các bài toán chuyên ngành

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thành thạo các bài toán về phương trình ma trận, các phép toán trên ma trận; tính thành thạo định thức.

- CLO2: Vận dụng các kiến thức về ma trận và định thức vào giải các hệ phương trình tuyến tính.

- CLO3: Tính thành thạo các bài toán cơ bản về đạo hàm và tích phân.

- CLO4: Giải thành thạo các bài tập cơ bản liên quan đến các tính chất về phép tính vi phân của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán liên quan đến chuyên ngành học.

- CLO5: Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<i>Tập hợp và logic</i>	3		2			5
Ma trận và định thức	3		6			15
Hệ phương trình tuyến tính	2		4			10
<i>Không gian vec tơ và ánh xạ tuyến tính</i>	1		1			10
Hàm số và giới hạn	2		2			6
Đạo hàm và vi phân	1		1			10
Tích phân	1		2			9
Hàm nhiều biến	3		3			15
Phương trình vi phân	2		3			10
Tổng	18		24			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài kiểm tra định kỳ	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, 4	
3	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1, 2	20%
III	Thi cuối kì			
1	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1-CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo thời khóa biểu.
- Làm bài tập về nhà đầy đủ.
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 03 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.
- Trước khi lên lớp, SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của GV
- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), *Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3*. NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), *Bài tập Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3*. NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh (2004), *Đại số tuyến tính*. NXB Đại học Sư phạm.
2. Nguyễn Tiên Quang, Lê Đình Nam (2014), *Cơ sở Đại số tuyến tính*, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật). NXB Giáo dục Việt Nam.

Học phần 11. Xác suất và thống kê / Probability statistics

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 36BT; 135TH)
- Mã học phần: 114005
- Bộ môn quản lý học phần: Đại số - Hình học
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

- Dùng cho: tất cả các khối ngành (trừ Giáo dục thể chất)

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về xác suất, các tính chất và các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và hàm phân phối cũng như các tính chất và các số đặc trưng của chúng; luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học liên quan đến mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi qui.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê.

- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng được kiến thức về xác suất và thống kê vào giải quyết các vấn đề chuyên ngành.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Giải thành thạo các bài toán xác suất nhờ sử dụng các công thức xác suất: công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất đầy đủ, công thức xác suất Bayes, ...

- CLO2: Tính toán thành thạo các bài toán liên quan đến đại lượng ngẫu nhiên, vectơ ngẫu nhiên và vận dụng vào giải một số bài toán thực tế

- CLO3: Giải thành thạo các bài toán cơ bản về ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê trong những tình huống cụ thể.

- CLO4: Biết cách tìm hệ số tương quan, giải được bài toán dự đoán và vận dụng vào thực tế.

- CLO5: Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Xác suất	7		10			31
Đại lượng ngẫu nhiên	7		9			32
Tập hợp mẫu	4		4			20
Ước lượng	3		4			22
Kiểm định giả thiết thống kê	4		6			20
Tương quan hồi qui	2		3			10
Tổng	27		36			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Giải quyết vấn đề; Thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm / Thảo luận nhóm	CLO1	30%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2	
3	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, 4	
4	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1, 2	20%
III	Thi cuối kỳ			
1	Viết tự luận	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học theo TKB
- Làm bài tập về nhà đầy đủ.
- Tích cực đóng góp ý kiến xây dựng bài.
- Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định, cụ thể: 04 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình phục vụ môn học.
- Trước khi lên lớp, SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và làm đầy đủ bài tập theo yêu cầu của GV
- Trên lớp, SV phải chú ý nghe giảng và tích cực đóng góp kiến xây dựng bài.
- Ở nhà, SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Đào Hữu Hồ (2006), *Xác suất và Thống kê*. NXB Đại học Quốc gia HN

8.2. Tài liệu tham khảo.

1. Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), *Xác suất thống kê*. NXB GD.
2. Tống Đình Quý (2000), *Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê*. NXB GD.

Học phần 12. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Sinh thái môi trường/Environmental Ecology

Số tín chỉ: 02 (15LT; 20TL; 10TH)

Mã học phần: 163175

Bộ môn quản lý học phần: Khoa học Đất và môi trường

Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về sinh thái học, các quy luật sinh thái học, mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc

điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới: quần thể, quần xã và hệ sinh thái; kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường, thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; kiến thức cơ bản về môi trường và các vấn đề chính về ô nhiễm môi trường trên thế giới và tại Việt Nam, luật và chính sách môi trường của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quy luật sinh thái học, các yếu tố sinh thái và mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới.

CO2: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về tài nguyên, hiện trạng của tài nguyên thiên nhiên trên thế giới, ở Việt Nam; cũng như các vấn đề về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trên thế giới và tại Việt Nam

CO3: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về các vấn đề chính của ô nhiễm môi trường, nguyên tắc của phát triển bền vững, các nội dung của các công ước về bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam

CO4: Người học có thể nhận diện, phân biệt một số hệ sinh thái trên cạn cũng như đánh giá được sự đa dạng sinh học của chúng, đồng thời có thể vận dụng các kiến thức cơ bản về sinh thái học để giải thích các vấn đề về liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

CO5: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng về các giải pháp cho các vấn đề về bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên tại Việt Nam

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quy luật sinh thái học, các yếu tố sinh thái và mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới; Nhận diện, phân biệt một số hệ sinh thái trên cạn cũng như đánh giá được sự đa dạng sinh học của chúng, vận dụng các kiến thức cơ bản về sinh thái học để giải thích các vấn đề về liên quan đến sản xuất nông nghiệp

CLO2: Trình bày được khái niệm tài nguyên, hiện trạng của tài nguyên thiên nhiên trên thế giới, ở Việt Nam; cũng như các vấn đề về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trên thế giới và tại Việt Nam.

CLO3: Giải thích các vấn đề chính của ô nhiễm môi trường, nguyên tắc của phát triển bền vững, các nội dung của các công ước về bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam.

CLO4: Đề xuất các giải pháp cho các vấn đề về bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên tại Việt Nam.

CLO5: Người học có tác phong khoa học; chủ động, tích cực và linh hoạt trong học tập và nghiên cứu khoa học; Thể hiện được năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Tổng
	Lí thuyết	Thảo luận, BT	Thực hành	Tự học	KT-ĐG	
1. Mở đầu	0.5	0	-	1	-	2
2. Các quy luật sinh thái cơ bản	1.5	1	-	6	-	9
3. Vai trò của các nhân tố sinh thái vô sinh và sự thích nghi	1.5	2	-	9	-	13
4. Các yếu tố sinh thái hữu sinh và giới hạn phản ứng của sinh vật	1.5	2	-	9	-	13
5. Sinh thái học Quần thể	1	1	-	5	-	7
6. Sinh thái học Quần xã	1.5	1	-	6	-	9
7. Sinh thái học Hệ sinh thái	1.5	2	-	9	1	13
8. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng	0.5	1		4		5
9. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất	1.5	1		6		9
10. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước	0.5			1		2
11. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khác	1	2		8		11
12. Tài nguyên quốc gia và quản lý nhà nước về tài nguyên	0	1		3		4
13. Các vấn đề môi trường toàn cầu	0.5	1	-	4	-	5
14. Các vấn đề môi trường tại Việt Nam	1	2	-	8	-	11
15. Phát triển bền vững và Các công ước quốc tế về MT có sự tham gia của Việt Nam	1	2	-	8	-	11
16. Đi thực tế	-		10		-	10
Tổng	15	19	10	90	1	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm. Đi thực tế.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-5	
3	Bài tập nhóm (10%) - Số lần bài tập nhóm bằng với số tín chỉ	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
5	Trắc nghiệm	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80 số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, - Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Trần Đức Viên và CS (2008), *Giáo trình Sinh thái học nông nghiệp*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Thăng (2008), *Giáo trình Khoa học Môi trường đại cương*. NXB. Giáo dục và đào tạo.

2. *Luật Bảo vệ môi trường* (2020).

b. Khoa học môi trường/ Environmental Science

Số tín chỉ: 02 (15LT; 20TL; 10TH)

Mã học phần: 162093

Bộ môn quản lý học phần: Khoa học đất và môi trường

Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: khái niệm khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học vận dụng vào khoa học môi trường; Các kiến thức cơ bản của khoa học môi trường như ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường, tài nguyên, dân số, lương thực, năng lượng và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phân tích được những khái niệm liên quan đến khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường; Phân tích được các loại tài nguyên thiên nhiên tại

một khu vực cụ thể. Đánh giá được hiện trạng và xác định được vấn đề đối với loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể.

- CO2: Phân tích được vấn đề về ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường; Xác định và phân tích được các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững

- CO3: Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của ngành khoa học môi trường; Tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được những khái niệm liên quan đến khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường

- CLO2: Phân tích được các loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể. Đánh giá được hiện trạng và xác định được vấn đề đối với loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể

- CLO3: Phân tích được vấn đề về ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường; Xác định và phân tích được các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững

- CLO4: Đánh giá được các vấn đề ô nhiễm môi trường và quản lý môi trường tại một khu vực; Xác định được nguồn tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực

- CLO5: Tham gia trong các hoạt động nhóm một cách chủ động, tích cực và linh hoạt; Thể hiện được năng lực làm việc độc lập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Các vấn đề chung về khoa học môi trường	4	3	-	-	-	15
Chương 2: Các thành phần cơ bản của môi trường	3	2	-	-	-	15
Chương 3: Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường	2	3	-	-	-	15
Chương 4: Tài nguyên thiên nhiên	3	4	-	-	-	15
Chương 5: Ô nhiễm môi trường	3	4	-	6	-	15
Chương 6: Quản lý môi trường và các vấn đề phát triển và môi trường, phát triển bền vững	2	3	-	4	-	15

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình; Thảo luận; Hoạt động nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			

1	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3.	30%
2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm	CLO 4, CLO 5	
3	Thảo luận	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 4, CLO 5	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Trắc nghiệm	Thang điểm đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1, CLO 2, CLO 3	20%
III Thi cuối kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Tham dự giờ đầy đủ ít nhất 80% số giờ học lý thuyết, nghe giảng, làm đầy đủ các câu hỏi và bài tập được giao về nhà đúng hạn và chất lượng tốt.

Tham dự và tích cực tham gia phát biểu, trình bày, trao đổi trong các buổi lý thuyết, thảo luận, bài tập tại lớp (có sự hướng dẫn của giảng viên).

Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tham dự đầy đủ các buổi thực hành (có hướng dẫn của giảng viên).

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình /Bộ giáo trình bắt buộc

1. Lê Văn Khoa (2008), *Khoa học môi trường*. Nxb Giáo dục

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Lưu Đức Hải (2000), *Cơ sở khoa học môi trường*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Học phần 13. Nông nghiệp đại cương/ General agriculture

Số tín chỉ: 4 (36LT, 24TL, 24TH)

- Mã học phần: 161126

- Bộ môn quản lý học phần: LN&PTNT

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Các nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt bao gồm hệ thống cây trồng, luân canh tăng vụ, trồng xen, làm đất, phòng trừ dịch hại cây trồng. Sinh trưởng, phát triển, tái sinh và diễn thế rừng, kỹ thuật lâm sinh; công tác giống, nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi; Dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi một số loài thủy sản.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Các nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt; kỹ thuật lâm sinh; công tác giống, nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi; Dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi một số loài thủy sản.

- CO2: Vận dụng các kiến thức đã học để tiếp cận các kỹ thuật canh tác trong trồng trọt; các giải pháp kỹ thuật lâm sinh trong kinh doanh rừng; các kỹ thuật sản xuất giống, xác định nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn, chăm sóc vật nuôi; kỹ thuật sản xuất giống, xác định nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật nuôi một số loài thủy sản.

- CO3: Rèn luyện cho người học thái độ học tập và làm việc nghiêm túc. Nhận thức được vai trò cũng như những thuận lợi, khó khăn của sản xuất nông, lâm ngư nghiệp từ đó có thái độ học hỏi và tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần người học đạt các chuẩn đầu ra sau:

- CLO1: Trình bày được những kiến thức tổng quan về trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cũng như các nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt, kỹ thuật lâm sinh, công tác giống, dinh dưỡng và thức ăn, công tác nuôi một số vật nuôi và một số loài thủy sản.

- CLO2: Vận dụng được các nguyên lý cơ bản về kỹ thuật trồng trọt bao gồm xác định được hệ thống cây trồng hợp lý; kỹ thuật luân canh tăng vụ, trồng xen, làm đất và phòng trừ dịch hại cây trồng.

- CLO3: Vận dụng được các giải pháp các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong kinh doanh rừng nhằm nâng cao chất lượng rừng.

- CLO4: Xác định được nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn, chăm sóc vật nuôi và nuôi trồng một số loài thủy sản.

- CLO5: Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Tự tin với kiến thức chuyên môn, tiếp cận và chuyển giao được những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông lâm ngư nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	LT	TL;BT	Khác			
Chương 1: Trồng trọt đại cương	9	6		6		45
Chương 2: Lâm nghiệp đại cương	9	6		6		45
Chương 3: Chăn nuôi đại cương	9	6		6		45
Chương 4: Nuôi trồng thủy sản đại cương	9	6		6		45
Tổng	36	24		24		180

5. Phương pháp dạy – học: Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận, thực hành. **6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric 1	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân (1 bài)	Rubric 2	CLO1	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm (2 bài)	Rubric 3	CL2,3	
4	Thực hành (1 bài)	Rubric 4	CLO2-4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận	Rubric 5	CLO 1,2	20%
Thi cuối kỳ				
	Tự luận	Rubric 6	CLO 1-4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Đặng Văn Minh (2006), *Giáo trình trồng trọt đại cương*. Nxb Nông nghiệp.
2. Phạm Xuân Hoàn, Hoàng Kim Ngũ (2003), *Lâm học*. Nxb Nông nghiệp.
3. Nguyễn Xuân Trạch (chủ biên) và CS (2020), *Giáo trình nhập môn chăn nuôi*. Nxb học viện nông nghiệp.
4. Kim Văn Vạn (2009), *Giáo trình Nuôi trồng thủy sản đại cương*. Nxb Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan (2005), *Sinh thái rừng*. Nxb Nông nghiệp.

Học phần 14. Tiếng Anh 1/ (English 1)

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1:</p> <p>1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1).</p> <p>1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs</p> <p>1.3. Verb “to be”, Possesive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B.</p> <p>1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17)</p> <p>1.5. Possesive Adjective</p> <ul style="list-style-type: none"> - Article - Lesson 1C, 4A, 2A <p>1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24)</p> <p>1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C 	10	3	3	4	2	52
<p>Nội dung 2:</p> <p>2.1. Simple Present</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 3A, B, C <p>2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) <p>2.3. Preposition</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 4B, 4C <p>2.4. Possesive Adjective</p> <ul style="list-style-type: none"> - Article - Lesson 1C, 4A, 2A <p>2.5. Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>Lesson 5A, 6B, 6C</p> <p>2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)</p>	11	3	3	5	1	52
<p>Nội dung 3:</p> <p>3.1. Simple Past</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lesson 7A, 7B, 7C 						

<p>3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54)</p> <p>3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C</p> <p>3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57)</p> <p>3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B</p> <p>3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher.</p> <p>3.7. Comparison of Adjective and Adverb.</p>	11	3	3	5	1	52
<p>Nội dung 4:</p> <p>4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C</p> <p>4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Writing, p.p.75-77)</p> <p>4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4</p> <p>4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B</p> <p>4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)</p>	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	

4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson (2012), *English File–Elementary 3rd edition*. Oxford University Press.

2. Nguyễn Thị Quyết (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Raymond Murphy (2013), *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại

2. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press.

Học phần 15. Tiếng Anh 2 (English 2)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense 1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to 1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech	7	2	2	3	1	33
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer /no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; 2.2. Unit 1C; 2 A, B	7	2	2	4	1	33

2.3. Kiểm tra giữa kỳ 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons.						
Nội dung 3: 3.1. Unit 3B, C 3.2. Unit 4A, B 3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Unit 5A, B 4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A 4.3. Consult Unit 5C, 6 A 4.4. Unit 6B, C 4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content. 4.6. Revise and check 5&6;	6	2	3	2	2	36

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình bắt buộc:

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2013), *English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)

2. Nguyễn Thị Quyết (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (cuốn 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*. NXB Thời đại

2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*. Cambridge University Press.

3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*. Cambridge University Press.

Học phần 16. Tiếng Anh 3 (English 3)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)

- Mã học phần: 133033

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside the classroom 1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2) 1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the classroom	7	2	2	3	1	44
Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1) & Bài 3.1 (2) 3.2. Bài 10C (1) & Bài 10.2 (2) 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1) & 7.1 (2)	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) 4.2. Bài 12A (1) & Bài 12.1 (2) 4.3. Bài 12B (1) & Bài 12.2 (2) 4.4. Progress Test 3 – speaking test	6	2	3	2	2	25

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

Giáo trình bắt buộc:

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson (2011), *English File–Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*. Cambridge University Press
2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*. Cambridge University Press

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

Học phần 1. Giáo dục thể chất 1 (Bắt buộc)

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện

- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu; Vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO3: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Giáo dục thể chất trong các trường đại học - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: -Động tác: Tay -Động tác: Lườn -Động tác: Vặn mình				2		6
Nội dung 3: Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Bụng -Động tác: Lưng -Động tác: Chân				2		6
Nội dung 4: Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Toàn thân -Động tác: Thăng bằng -Động tác: bật nhảy				2		6
Nội dung 5: Ôn tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
Nội dung 6: Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
Nội dung 7: - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động bổ trợ				2		6

chuyên môn. - Học kỹ thuật tăng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)						
Nội dung 8: Ôn tập kỹ thuật tăng cầu. kỹ thuật tăng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).				2		6
Nội dung 9: Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyển cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.				2		6
Nội dung 10: Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyển cầu bằng mu bàn chân.				2		6
Nội dung 11: Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.				2		6
Nội dung 12: Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 13: Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 14: Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện				2		6
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
Tổng	2			28		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2	30%

2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.2.3	
3	Thực hành	Kỹ thuật tâng cầu (Rubric 3)	CLO4.5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 4)	CLO3.4.5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tâng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 5)	CLO2.3.4.5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*. Nxb TĐTT, Hà Nội
2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*. Nxb TĐTT, Hà Nội.
3. Đặng Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Đá cầu*. Nxb ĐHSP.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

- 4). Ủy Ban TĐTT (2003), *Luật Đá cầu*. Nxb TĐTT.

Học phần 2. Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn Bóng chuyền)

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này. Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện

các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển				2		6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..				2		6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 9.				2		6

- Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyên bóng cao tay trước mặt.						
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.				2		6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.				2		6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 14. Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 15 Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (Rubric 1)	CLO3,4	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO 4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO4,5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	- Chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4, 5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính :

1). Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyền*. NXB ĐHSP

8.2. Tài liệu tham khảo:

2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*. NXB, TDTT.

3). Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*. NXB TDTT, Hà Nội.

Học phần 2. Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn Bóng đá)

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.
- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày. Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể

lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá				2		6
Nội dung 2: Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng.				2		6
Nội dung 3: Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.				2		6
Nội dung 4: Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>				2		6
Nội dung 5: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.				2		6
Nội dung 6: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân				2		6
Nội dung 7: Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>				2		6
Nội dung 8: Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính				2		6

diện.						
Nội dung 9: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên				2		6
Nội dung 10: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.				2		6
Nội dung 11: Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>				2		6
Nội dung 12: Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng sút cầu môn				2		6
Nội dung 13: Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>				2		6
Nội dung 14: Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.				2		6
Nội dung 15: Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết);
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan);
- Phương pháp trò chơi vận động;
- Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại;
- Phương pháp hỏi – đáp, thực hành động tác;
- Phương pháp thi đấu, trọng tài;
- Phương pháp củng cố và sửa sai động tác;

- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 2)	CLO.3	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric 3)	CLO4.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 4)	CLO4.5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 5)	CLO.1.2.3.4.5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. PGS.TS Trần Đức Dũng (2007) *Giáo trình Bóng Đá*. Nxb TĐTT, Hà Nội

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Ủy ban TĐTT (2007) *Luật Bóng đá sân 5,11 người*. Nxb TĐTT.

3. TS. Phạm Quang (2007), *Giáo trình Bóng đá*. Nxb TĐTT, Hà Nội

Học phần 2. Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn Vovinam)

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191005
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo
- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.
- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.
- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.
- CLO3: Biết vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này. Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đinh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn				2		6
Nội dung 2: - Đám thẳng - Đám ngang (Đám móc) - Đám mức				2		6
Nội dung 3: - Đá thẳng - Đá vòng cầu (Đá tạt) - Đá cạnh chân				2		6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)				2		6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)				2		6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)				2		6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)				2		6
Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)				2		6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)				2		6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền				2		6

(Tự động tác 31 – 40)					
Nội dung 11: (Ôn tập) Bài long hồ quyền (từ động tác 31- 40)			2		6
Nội dung 12: Bài Long hồ quyền (Tự động tác 31 – 40)			2		6
Nội dung 13: Bài Long hồ quyền (Tự động tác 41 –45)			2		6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài long hồ quyền (Tự động tác 1 – 45)			2		6
Nội dung 15: Ôn tập và KT bài Long hồ quyền			2		6
Tổng			30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

- Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp trò chơi vận động;
- Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại;
- Phương pháp hỏi – đáp;
- Phương pháp thi đấu;
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác;
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 2)	CLO3	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 3)	CLO3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 4)	CLO4,5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	Bài long hồ quyền (Rubric 5)	CLO.2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008), *Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1. Nxb TDTT.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

3. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*. Nxb TDTT, HN.

Học phần 2. Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn Bóng rổ)

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực\, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa , tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thực chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.

- CLO 3: Biết vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học				2		6
Nội dung 2: - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai				2		6

tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh						
Nội dung 3: Ôn tập: - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đôi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.				2		6
Nội dung 4: - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực				2		6
Nội dung 5: Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)				2		6
Nội dung 6: Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.				2		6
Nội dung 7: - Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh				2		6

<p>Nội dung kiểm tra:</p> <p>Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian</p> <p>Cách thực hiện kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thì sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích <p>Dẫn bóng phạm luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng - Không được bật nhảy không chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng 					
<p>Nội dung 8:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rỏ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu 				2	6
<p>Nội dung 9: Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rỏ một tay trên cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thi đấu 				2	6
<p>Nội dung 10: Chiến thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tấn công nhanh 				2	6

- Tổ chức thi đấu						
Nội dung 11: Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kim người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 12: Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 13: Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 14: - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao.				2		6
Nội dung 15: Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

- Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp trò chơi vận động;
- Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại;
- Phương pháp hỏi – đáp;
- Phương pháp thi đấu;
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác;
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%

2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 2)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao (Rubric 3)	CLO.5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 4)	CLO.4.5.6.	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	- Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. - Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao. (Rubric 5)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình:

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*. Nxb, ĐHSPT.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2. Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*. Nxb TDTT.
3. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*. Nxb ĐH Thái Nguyên.

Học phần 2. Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn thể dục aerobic)

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.

- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic

- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.

- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ. Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO4: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO5: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic				2		6

- Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản						
Nội dung 2 : Các tư thế cơ bản				2		6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)				2		6
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)				2		6
Nội dung 5: Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) Học mới tổ hợp III (động tác 8 - 11)				2		6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I, II, III - Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)				2		6
Nội dung 7: - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 -15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)				2		6
Nội dung 8: - Ôn tổ hợp V (động tác 16 - 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V				2		6
Nội dung 9: - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)				2		6
Nội dung 10: - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) - Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)				2		6
Nội dung 11: - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII				2		6
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết				2		6

Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như:

- Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết),
- Phương pháp phân tích và thị phạm động tác;
- Phương pháp trực quan;
- Phương pháp trò chơi vận động;
- Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn;
- Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại;
- Phương pháp hỏi – đáp;
- Phương pháp thi đấu;
- Phương pháp củng cố- sửa sai động tác;
- Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 2)	CLO1,2,3	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần. (Rubric 3)	CLO 4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 4)	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 5)	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc :

1). Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic*. Nxb TĐTT HN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009), *Thể dục*. Nxb TĐTT HN.

3). Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II*. Nxb TĐTT

V. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết

Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số ĐVHT: 3 (37, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<i>Bài 1:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
<i>Bài 2:</i> Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 3:</i> Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 4:</i> Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 5:</i> Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
<i>Bài 6:</i> Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
<i>Bài 7:</i> Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
<i>Bài 8:</i> Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
<i>Bài 9:</i> Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
<i>Bài 10:</i> Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 11:</i> Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10
Tổng cộng	34	8				145

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I Kiểm tra thường xuyên				
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%
2	+ Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
3	+ Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
4	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II Kiểm tra giữa kỳ				
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%
III Thi cuối kì				
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1. Nxb Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

Công tác quốc phòng và an ninh/Defense and security

- Số ĐVHT: 2 (22, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				
Tổng cộng	22	8				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp;	Rubric 1	CLO1, CLO2,	30%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)		CLO3,	
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc:

- Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*. Nxb Giáo dục.
- Tạ Ngọc Văng, Bùi Văn Thịnh (2012), *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1. Nxb Giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*. Nxb Giáo dục.

HỌC PHẦN QUÂN SỰ CHUNG

- Số ĐVHT: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)

- Mã học phần: GDQP 3

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, XD lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	30%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1 - CLO 3	
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành	Rubric rèn luyện	CLO 1 - CLO 3	

II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Kết thúc bài 6 tiến hành 1 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1 - CLO 3	20%
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Học liệu tham khảo:

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng (2005), *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

3. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

HỌC PHẦN KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

- Số ĐVHT: 04 (Lý thuyết:04, Thực hành: 56)

- Mã học phần: GDQP 4

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiêu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiêu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiêu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung

và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiên công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiên công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thực tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiên công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Tùng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Tùng người trong chiến đấu tiên công	16		16
4	Tùng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.

- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập.	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
2	Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
3	Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp của sinh viên ...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
4	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên ở các nội dung huấn luyện.	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
5	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành.	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
1	Kiểm tra viết (02 bài): Kết thúc bài 2 và bài 4 tiến hành kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%
2	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu chính:

Nguyễn Đức Đăng (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn (2012). *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*. NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.

B. KHỐI KIẾN THỨC GDCN

I. KIẾN THỨC CƠ SỞ

Học phần 17. Phương pháp NCKH trong nông nghiệp/Scientific research methods in agriculture

- Số tín chỉ: 2 (18LT; 12TL,BT; 12TH)
- Mã học phần: 161127
- Bộ môn quản lý học phần: LN&PTNT
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học: Khái niệm, đặc điểm, phân loại khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học; Các bước tiến hành đề tài nghiên cứu khoa học từ xác định xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo, trình bày kết quả nghiên cứu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, các bước tiến hành khi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; các phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu và phân tích thông tin trong nghiên cứu; viết báo cáo nghiên cứu khoa học.

- CO2: Rèn luyện cho người học kỹ năng xây dựng và phát triển ý tưởng nghiên cứu; kỹ năng xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu; kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu; kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê và phần mềm hỗ trợ nghiên cứu như excel, SPSS, Eviews trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp.

- CO3: Sinh viên có thái độ tích cực, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu học phần để đạt được hiệu quả cao nhất.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng linh hoạt và sáng tạo những kiến thức cơ bản về phương pháp luận NCKH để thực hiện các đề tài NCKH trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp.

- CLO2: Phân tích tình hình kinh tế nông nghiệp, nông thôn nảy sinh trong thực tiễn để xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành thu thập và xử lý số liệu, viết báo cáo nghiên cứu khoa học. Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ xử lý số liệu.

- CLO3: Cập nhật và sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ xử lý số liệu nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp.

- CLO4: Người học có thể tự chủ trong việc học tập, tích lũy các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, thực hiện nghiên cứu và triển khai các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực nông nghiệp vào thực tiễn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Đại cương về nghiên cứu khoa học	3	2				15
Chương 2. Đề tài nghiên cứu khoa học	4	3				15
Chương 3. Phương pháp thu thập thông tin	4	3		6		20
Chương 4. Phương pháp xử lý thông tin	4	2		6		20
Chương 5. Trình bày báo cáo khoa học	3	2				20
Tổng số	18	12		12	0	90

5. Phương pháp dạy – học: Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO1	
3	Báo cáo thực hành	Rubric 3	CL2,3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận	Rubric 4	CLO 2	20%
III. Thi cuối kì				
	Tự luận	Rubric 5	CLO 1,2	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. PGS.TS Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An, (2021), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học xã hội.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Lan, Phạm Tiến Dũng (2005), *Giáo trình Phương pháp thí nghiệm*. NXB Nông nghiệp

2. Vũ Cao Đàm (2019), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Học phần 18. Kinh tế vi mô/ Microeconomics

- Số tín chỉ: 3 (27 LT : 36 TL : 135TH)
- Mã học phần: 151050
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi DN; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản để: quyết định đúng lựa chọn tiêu dùng; phân tích được cung cầu hàng hóa trên thị trường; phân tích hành vi của người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường; có thể đưa ra được các quyết định để tối đa hóa mục tiêu trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh

- CO2: Người học có những kỹ năng cơ bản trong: lựa chọn tiêu dùng nhằm tối ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách; Khảo sát được tình hình về sản phẩm, về thị trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp để có thể đưa ra được các quyết định trong sản xuất trong Mỗi cấu trúc thị trường; Phân tích được vai trò và những quyết định của chính phủ trong nền kinh tế..

- CO3: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực để nắm vững nội dung của học phần. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề kinh tế liên quan đến môn học đang diễn ra trên thực tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có khả năng vận dụng các lý thuyết hành vi người tiêu dùng, hành vi

doanh nghiệp trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh; Có khả năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế (chi phí doanh thu lợi nhuận) trong phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp..

- CLO2: Tự xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp với ngành nghề và thị trường; Lập kế hoạch và điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để tối đa hóa mục tiêu của các tác nhân kinh tế.

- CLO 3: Có kỹ năng cơ bản trong: lựa chọn tiêu dùng nhằm tối ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách; Khảo sát được tình hình về sản phẩm, về thị trường liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp để có thể đưa ra được các quyết định trong sản xuất trong Mỗi cấu trúc thị trường; Phân tích được vai trò và những quyết định của chính phủ trong nền kinh tế

- CLO4: Phân tích được cung cầu hàng hóa trên thị trường; phân tích hành vi của người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường; có thể đưa ra được các quyết định để tối đa hóa mục tiêu trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nền kinh tế và kinh tế học	2	2				9
Những vấn đề cơ bản về cung và cầu	4	6				19.5
Co giãn cung cầu và chính sách của CP	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi NTD	2	3				10.5
Lý thuyết về hành vi của hãng KD	6	7				28.5
Cấu trúc thị trường sản phẩm	6	9				31.5
Thị trường yếu tố sản xuất cạnh tranh	3	5				16.5
Vai trò của Chính phủ trong nền KTTT	2	2				9
Tổng cộng	27	36				135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I.Kiểm tra thường xuyên (04 bài)				
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Trắc nghiệm (1 bài)	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu(Rubric trắc nghiệm)	CLO1	30%
3	Bài thảo luận nhóm (1 bài)	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
4	Thuyết trình (1 bài)	Rubric thuyết trình	CLO4	
II.Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)				
1	Viết	Đề thi và đáp án (Rubric trắc nghiệm)	CLO1,2	20%
III.Thi cuối kì				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án (Rubric trắc nghiệm)	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu dạy học

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2020), *Giáo trình Kinh tế vi mô I*. NXB Tài Chính

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), *Giáo trình kinh tế học tập 1*. NXB ĐHKQTĐ

2. Tôn Hoàng Thanh Hué, Đỗ Thị Mẫn (2020), *Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô*. NXB ĐHKQTĐ

Học phần 19: Kinh tế vĩ mô/ Macroeconomics

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL,BT)
- Mã học phần: 151.061
- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: một số khái niệm cơ bản về kinh tế học vĩ mô bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu rõ được bản chất của kinh tế học, kinh tế học vĩ mô, các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu (chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách thu nhập và chính sách kinh tế đối ngoại), từ đó có thể vận dụng đối chứng các chính sách trong từng giai đoạn nền kinh tế đang thực hiện.

- CO2: Người học phân biệt rõ tổng sản phẩm quốc dân (GNP), tổng sản phẩm quốc nội (GDP), biết cách tính các chỉ tiêu kinh tế khác, từ đó vận dụng tính các chỉ tiêu đó trong thực tiễn Việt Nam.

- CO3: Người học hiểu được bản chất tổng cung, tổng cầu, mức cung tiền, mức cầu tiền, thất nghiệp, lạm phát, lợi thế tuyệt đối, lợi thế tương đối, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế; Từ đó vận dụng trong thực tiễn để đánh giá, phân tích được thực tiễn vấn đề kinh tế đang diễn ra.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên hiểu được phương thức điều tiết kinh tế của chính phủ và các chính sách của nhà nước nhằm ổn định nền kinh tế. Đặc biệt đánh giá được nền kinh tế thông qua tổng sản phẩm quốc dân và tăng trưởng kinh tế. Tính toán các chỉ tiêu GDP, GNP trong một quốc gia từ đó có những đánh giá về sự thay đổi của quốc gia trong từng năm.

- CLO2: Hiểu rõ khái niệm và xây dựng được mô hình tổng cầu trong nền KT giản đơn, nền kinh tế mở, nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ. Kỹ năng phân tích thực trạng biến động nền kinh tế và sự vận dụng chính sách tài khóa trong điều tiết nền kinh tế của Chính phủ; Sinh viên hiểu và giải thích được ngân hàng nhà nước làm thế nào để tạo ra tiền và các chính sách NHTW sử dụng trong bối cảnh từng thời kỳ nền kinh tế.

- CLO3: Sinh viên hiểu và giải thích được thương mại quốc tế từ giai đoạn cổ điển đến nay. Những lợi ích mà thương mại quốc tế mang lại cho các quốc gia; chế độ quy đổi giữa đồng nội tệ và ngoại tệ

- CLO4: Sinh viên có kiến thức về tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp; mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp.

- CLO5: Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Chương 1: Nhập môn kinh tế học vĩ mô	2	2				9
Chương 2: Mục tiêu và công cụ chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô	2	2				9
Chương 3: Hạch toán tổng sản phẩm quốc dân	3	2	1			10.5
Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khóa	6	7	4			31.5
Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ	6	7	4			31.5
Chương 6: Tổng cầu và tổng cung	2	2				9
Chương 7: KTVM trong nền kinh tế mở	4	3				31,5
Chương 8: Thất nghiệp và lạm phát	2	2				9
Tổng	27	27	9			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Kiểm tra trắc nghiệm (1 bài)	Đề thi trắc nghiệm và đáp án (Rubric trắc nghiệm)	CLO1	
3	Kiểm tra trắc nghiệm (1 bài)	Đề thi trắc nghiệm và đáp án (Rubric trắc nghiệm)	CLO2	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Kiểm tra trắc nghiệm	Đề thi trắc nghiệm và đáp án (Rubric trắc nghiệm)	CLO2	20%
III. Thi cuối kỳ				
1	Trắc nghiệm	Đề thi trắc nghiệm và đáp án (rubric thi trắc nghiệm)	CLO1-4	50%
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1-4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ

và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Dẫn, Đỗ Thị Thục (2018), *Giáo trình Kinh tế vĩ mô I*. NXBTC.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2017). *Giáo trình kinh tế học tập 2*, NXB ĐHKQTĐ

Học phần 20. Nguyên lý thống kê/ Statistical principles

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL :0TH)
- Mã học phần: 152048
- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà người học cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.

2. Mục tiêu học phần

- C01: Học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp luận của thống kê, đồng thời giúp sinh viên biết vận dụng các phương pháp thống kê trong việc thu thập, xử lý và phân tích các con số (mặt lượng) của những hiện tượng kinh tế xã hội số lớn để tìm hiểu bản chất, tính quy luật của các hiện tượng đó trong điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

- C02: Học xong học phần này người học có những kỹ năng cơ bản trong phân tích, phán đoán, giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống, đồng thời rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, lựa chọn và phân tích, đánh giá thông tin phù hợp với mục đích nghiên cứu. Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội. Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

- C03: Người học cần có thái độ nghiêm túc, cầu thị, tự tin sáng tạo khi tham

gia học tập đối với môn học, thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà giảng viên đưa ra đối với môn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

CLO1: Sinh viên nắm được một số khái niệm cơ bản về thống kê học; các giai đoạn của một quá trình nghiên cứu thống kê; Phân biệt được các loại điều tra thống kê, điều kiện áp dụng của từng loại; cách thức phân tổ thống kê; công thức tính các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; và vận dụng các phương pháp phân tích số liệu thống kê vào thực tiễn.

CLO2: Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, vận hành, lãnh đạo nhóm. Đồng thời, có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng hòa nhập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp; và phát triển kỹ năng tính toán, tư duy lập kế hoạch và ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế.

CLO3: Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội; Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô.

CLO4: SV cần có thái độ nghiêm túc, cầu thị, tự tin sáng tạo khi tham gia học tập đối với môn học, thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà GV đưa ra đối với môn học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về thống kê học	2	2				15
Chương 2: Phân tổ thống kê	3	2	2			20
Chương 3: Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội	6	2	6			30
Chương 4: Dây số thời gian	6	2	6			30
Chương 5: Chỉ số trong thống kê	10	6	8			40
Tổng	18	14	22			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I.Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài viết (1 bài)	Rubric bài thi viết	CLO1	30%
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình (2 bài)	Rubric đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp (1 bài)	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO4	
II.Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết.	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2	20%
III.Thi cuối kì				
1	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3	50%
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO 1,2,3	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

-Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có TL số 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,;

- Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ;

- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi hoặc làm bài tập lớn (nếu đủ điều kiện làm bài tập lớn).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

Trần Thị Kim Thu (2016), *Giáo trình lý thuyết thống kê*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Kim Thúy (2009), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*. Nhà xuất bản Thống kê.

2. Trần Thị Kim Thu (2014), *Giáo trình lý thuyết thống kê*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Học phần 21. Nguyên lý kế toán/ Principles Accounting

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 27TL: 9TH*)
- Mã học phần: 153.105
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về kế toán, khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán, vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp.

- CO2: Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có khả năng tổ chức lập và luân chuyển chứng từ kế toán tại đơn vị, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.

- CLO2: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình mua hàng; Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình sản xuất

- CLO3: Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình bán hàng; Người học có khả năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức hệ thống sổ kế toán tại đơn vị.

- CLO4: Người học có khả năng lập báo cáo kế toán (bảng cân đối kế toán dạng đơn giản) phản ánh tổng quát tình hình tài chính của đơn vị.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán	2	2	0			10
Phương pháp chứng từ kế toán	3	3	0	1		15
Phương pháp tài khoản kế toán	5	5	2	2		20
Phương pháp tính giá	3	4	0	1		15
Phương pháp tổng hợp - cân đối KT	4	3	2	1		25
Hạch toán kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu	6	6	2	4		35
Sổ kế toán- Hình thức kế toán- Tổ chức công tác kế toán	4	4	2			15
Tổng	27	27	12	9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ	STT	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
III. Thi cuối kỳ				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài

- tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
 - Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
 - Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đoàn Xuân Tiên (2014), *Nguyên lý kế toán*. NXB Tài chính.

8.1. Tài liệu tham khảo

- 1) Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*. NXB Tài chính.
- 2) Võ Văn Nghị (2018), *Hệ thống bài tập trắc nghiệm Nguyên lý kế toán*. Nhà xuất bản Tài chính.

Học phần 22. Tài chính tiền tệ/Monetary and Financial Theories

Số tín chỉ: 03 (27, 36, 0)

Mã học phần: 152140

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như: khâu tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình; Những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính như thị trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các định chế tài chính trung gian như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính...

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện chuyên sâu về tài chính, tiền tệ, ngân sách nhà nước, nguồn vốn trong kinh doanh, ngân hàng.
- CO2: Người học hình thành các kỹ năng như phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp.
- CO3: Người học nắm vững lý thuyết và vận dụng thành thạo các phương pháp phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nhận thức và nắm vững kiến thức cơ bản về các nội dung tài chính, tiền tệ và ngân hàng. Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính trung gian.

- CLO2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích được những lợi ích và hạn chế của các loại tiền trong lưu thông, hiểu được các khâu tài chính cơ bản trong hệ thống tài chính. Có kỹ năng phân tích cơ bản những nội dung chủ yếu trên các báo cáo tài chính doanh nghiệp

- CLO3: Hiểu rõ nội dung các khoản thu NSNN, đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước từ đó vận dụng khai thác triệt để các khoản thu NSNN.

- CLO4: Hiểu được nguyên lý hoạt động của ngân hàng thương mại, từ đó có thể phân loại được vốn huy động, tín dụng của ngân hàng thương mại, vận dụng kiến thức để đánh giá việc thực thi chính sách tiền tệ trong thực tế.

- CLO5: Vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu trong hệ thống tài chính.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Thực hành	Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	TL; BT	Khác			
Chương 1: Đại cương về tài chính – tiền tệ	5	6				21
Chương 2: Ngân sách Nhà nước	3	4				15
Chương 3: Tài chính DN	4	5				18
Chương 4: Thị trường tài chính	2	4				15
Chương 5: Các tổ chức tài chính trung gian	3	4				15
Chương 6: Lãi suất	3	4				15
Chương 7: Ngân hàng	4	5				18
Chương 8: Tài chính quốc tế	3	4				18
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2,3,4	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,3,5	
4	Câu hỏi tự luận	Rubric kiểm tra tự luận	CLO1,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ				
	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2,3	20%
Thi cuối kì				
	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Tiến (2011), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*. NXB Thống kê.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Tài (2007), *Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ*. NXB, ĐHKQTĐ

2. Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2014), *Giáo trình tài chính tiền tệ*. NXB Tài chính.

Học phần 23. Luật kinh tế/ Economic law

- Số tín chỉ: 02 (18,24)
- Mã học phần: 197010
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: khái niệm ngành luật kinh tế, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế; chủ thể của luật

kinh tế; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; các hoạt động thương mại; quy định pháp luật về cạnh tranh; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; quy chế pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật kinh tế cụ thể.

- CO2: Người học có tư duy khoa học và khả năng liên hệ với thực tiễn qua đó có thể tự tìm hiểu và tiếp thu được các quy định của pháp luật về kinh doanh thương mại.

- CO3: Người học hình thành ý thức tôn trọng pháp luật, tự tin, chủ động khi tham gia các quan hệ kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Hiểu được quy chế pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về các loại hình chủ thể kinh doanh; các hoạt động thương mại trong nền kinh tế thị trường; quy định của pháp luật cạnh tranh, luật phá sản...

- CLO2: Vận dụng được kiến thức pháp luật kinh tế đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.

- CLO3: Có kỹ năng tra cứu quy phạm pháp luật, kỹ năng nghiên cứu các quy định của pháp luật kinh tế.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	BT			
Chương 1: Khái quát về luật kinh tế	1	0		0		15
Chương 2: Thành lập doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp	1,5	1		0		22,5
Chương 3: Doanh nghiệp tư nhân - hộ kinh doanh cá thể	1,5	1		0		22,5
Chương 4: Công ty	4,5	6		0		67,5
Chương 5: Doanh nghiệp nhà nước. nhóm công ty	0,5	0		0		7,5
Chương 6: Luật hợp tác xã	2	1		0		30
Chương 7: Các hoạt động thương mại	3	5				45

Chương 8: Luật cạnh tranh	2	6				30
Chương 9: Luật phá sản	2	4				30
Tổng	18	24		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kỳ				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Việt Tý (2022), *Giáo trình Luật thương mại tập 1*. NXB Công an nhân dân.
2. Nguyễn Việt Tý (2022), *Giáo trình Luật thương mại tập 2*. NXB Công an nhân dân

8.2. Học liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Dung (2018), *Luật kinh tế (Chuyên khảo)*. NXB Lao động

Học phần 24. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Phát triển bền vững/ Sustainable Development

- Số tín chỉ học tập: 3 (LT27; TL28; TH 8)
- Mã học phần: 161128
- Bộ môn quản lý học phần: LN & PTT
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Khái lược về phát triển bền vững: tiến trình, khái niệm, nội dung, mô hình và các nguyên tắc phát triển bền vững; Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Khung khổ và thực thi phát triển bền vững của 1 số quốc gia trên thế giới; Quan điểm và định hướng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Trang bị kiến thức trong phân tích được tiến trình hình thành quan niệm phát triển bền vững và giải thích được hệ thống các chỉ số phát triển bền vững.

- CO2: Người học xác định được những ưu tiên thực thi phát triển bền vững của Liên hợp quốc, khung khổ và thực thi phát triển bền vững của 1 số quốc gia trên thế giới, so sánh chỉ ra được sự khác biệt về khung khổ giữa các quốc gia.

- CO3: Người học xác định được bối cảnh xu thế của thế giới và trong nước tác động đến phát triển đất nước theo hướng phát triển nhanh và bền vững. Hiểu rõ về quan điểm và định hướng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam nhằm vận dụng thực thi được trong thực tiễn địa phương và đơn vị. Phân tích 1 số hiện trạng phát triển bền vững trong thực tế địa phương.

- CO4: Người học phản biện được các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững một cách độc lập; kết hợp được nhiều cách phân tích về phát triển bền vững để đánh giá sự đa chiều về phát triển bền vững trong thực tế.

- CO5: Tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề về phát triển bền vững để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu được các phương pháp tiếp cận phát triển bền vững. Có khả năng phân tích được tiến trình hình thành quan niệm phát triển bền vững và giải thích được hệ thống các chỉ số phát triển bền vững.

- CLO2: Phân tích, đánh giá những ưu tiên thực thi phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Phân tích được khung khổ và thực thi phát triển bền vững của 1 số quốc gia trên thế giới, so sánh chỉ ra được sự khác biệt về khung khổ giữa các quốc gia.

- CLO3: Phân tích bối cảnh xu thế của thế giới và trong nước tác động đến phát triển đất nước theo hướng phát triển nhanh và bền vững. Hiểu rõ về quan điểm và định hướng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững ở Việt Nam nhằm vận dụng thực thi được trong thực tiễn địa phương và đơn vị. Phân tích 1 số hiện trạng phát triển bền vững trong thực tế địa phương.

- CLO4: Có kỹ năng phản biện được các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững một cách độc lập; kỹ năng kết hợp được nhiều cách phân tích về phát triển bền vững để đánh giá sự đa chiều về phát triển bền vững trong thực tế.

- CLO5: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề về phát triển bền vững để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	TL; BT	Khác			
Chương 1: Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học phát triển bền vững	4	4				20
Chương 2: Từ phát triển đến phát triển đến phát triển bền vững	4	4				20
Chương 3: Phát triển bền vững	4	4				20
Chương 4: Khung khổ và thực thi phát triển bền vững của liên hợp quốc	4	4				20
Chương 4: Khung khổ và thực thi phát triển bền vững của 1 số quốc gia trên thế	5	6				30
Chương 4: Bối cảnh, định hướng và giải pháp phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam	6	6		8		25
Tổng	27	28		8		95

5. Phương pháp dạy – học: Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành với máy tính (P).

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Viết cá nhân	Rubric đánh giá	CLO1	

		bài thi Viết		30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2	
3	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3	
4	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp thảo luận và thực hành thực tế (nếu có).	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3,6	
Đánh giá giữa kỳ				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO4	
Thi cuối kỳ (50%)				
	Thi Viết	Rubric Đánh giá bài thi Viết	CLO 1,2,3,4,5,6	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên, một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi/hoặc làm bài tập lớn thay thế bài thi học phần (nếu có đủ điều kiện làm bài tập lớn theo quy định).
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Bùi Văn Dũng (2014), *Phát triển bền vững*, NXB Đại học Vinh

8.2. Bùi Tất Thắng, Lưu Đức Hải, Trần Hồng Quang (2014), *Hướng tới 1 nền kinh tế phát triển bền vững*, Nhà XB Khoa học Xã hội.

b. Kinh tế phát triển/ Economic development

- Số tín chỉ: 3 (27LT; 36TL)
- Mã học phần: 161129
- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Nhập môn kinh tế phát triển; tăng trưởng và phát triển kinh tế, các mô hình tăng trưởng kinh tế; phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế; chính sách phát triển kinh tế.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu kinh tế học phát triển; bản chất tăng trưởng và phát triển kinh tế, đánh giá tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, sự phát triển xã hội, các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế.

CO2: Người học có kiến thức cơ bản về các mô hình tăng trưởng kinh tế, lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại, mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam; các chính sách phát triển kinh tế.

CO3: Người học hiểu được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phúc lợi con người, có kỹ năng tư duy để giải quyết các vấn đề trong phát triển kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề môi trường ở các nước đang phát triển.

CO4: Người học có kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề trong kinh tế phát triển.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển, tăng trưởng và phát triển kinh tế, các mô hình tăng trưởng kinh tế.

- CLO2: Phân biệt được các mô hình tăng trưởng kinh tế khác nhau, phân tích được cơ cấu ngành kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

- CLO3: Phân tích được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phúc lợi con người, giải quyết các vấn đề trong phát triển kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội liên quan như phát triển con người, bất bình đẳng, đói nghèo, môi trường ở các nước đang phát triển.

- CLO4: Phân tích, triển khai, áp dụng được các chính sách phát triển kinh tế, chính sách tài chính, chính sách cơ cấu kinh tế, chính sách đối ngoại.

- CLO5: Người học có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có khả năng tổ chức, quản lý các hoạt động nhóm và thuyết trình để đáp ứng yêu cầu của học phần.

4. Nội dung học phần:

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	
	Lý thuyết	TL;BT		
Chương 1. Nhập môn kinh tế phát triển	3	4		15
Chương 2. Tăng trưởng và phát triển kinh tế	4	6		20
Chương 3. Các mô hình tăng trưởng kinh tế	6	8		20
Chương 4. Phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế	6	8		25
Chương 5. Chính sách phát triển kinh tế	8	10		35
Tổng:	27	36		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
2	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	30%
3	Thảo luận nhóm (2 bài)	Rubric 2	CLO3-5	
4	Bài tập cá nhân	Rubric 4	CLO3-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-5	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:
 - Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80 số tiết học trên lớp.
 - Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
 - Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
 - Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
 - Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Dương Quỳnh Phương, Vũ Như Vân, Nguyễn Xuân Trường (2014), *Giáo trình Kinh tế phát triển*. NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. . Đồng Thị Vân Hồng, Nguyễn Văn Thương, Đỗ Thị Dinh (2010), *Giáo trình kinh tế phát triển*, NXB Lao Động.

Học phần 25. Nguyên lý kinh tế nông nghiệp/ Principles of agricultural economics

- Số tín chỉ: 3 (20LT; 30TL; 20TH)
- Mã học phần: 161131
- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về nguyên lý cơ bản của kinh tế áp dụng trong nông nghiệp bao gồm sản xuất, marketing và thương mại. Kinh tế các nguồn lực trong nông nghiệp; các nguyên tắc khi ra quyết định trong nông nghiệp; lý thuyết cung cầu và sự hình thành giá cả nông sản; kinh nghiệm phát triển nông nghiệp trên thế giới; những quan điểm mới về phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về vai trò, đặc điểm của sản xuất nông

ngành, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu kinh tế nông nghiệp,

- CO2: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế sử dụng đất đai, lao động, sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ.

- CO3: Người học có khả năng đưa ra được các quyết định lựa chọn sản phẩm cần sản xuất và lựa chọn các đầu vào tối ưu.

- CO4: Người học có khả năng tiếp cận các kiến thức về cung, cầu, sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, phát triển nông nghiệp bền vững. Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có khả năng tổ chức, quản lý các hoạt động nhóm và thuyết trình để thích ứng với nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng, phân tích được những nguyên lý cơ bản của kinh tế nông nghiệp trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa và bền vững.

- CLO2: Phân tích, đánh giá được các nguồn lực trong phát triển sản xuất nông nghiệp, mối quan hệ cung - cầu hàng hóa nông sản, các yếu tố cấu thành giá cả nông sản.

- CLO3: Có khả năng vận dụng chính xác các kiến thức về kinh tế trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp.

- CLO4: Có khả năng đưa ra các quyết định, các phương án kinh doanh NN.

- CLO5: Vận dụng thành thạo được các nguyên lý kinh tế trong sản xuất, marketing và thương mại sản phẩm nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa và bền vững.

4. Nội dung học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	
	Lý thuyết	TL;BT		
Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu kinh tế NN	2	3		10
Chương 2. Kinh tế các nguồn lực chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp	2	4	4	15
Chương 3. Các nguyên tắc ra quyết định của sản xuất nông nghiệp	3	5		20
Chương 4. Cầu và cung trong sản xuất NN	3	4	4	20
Chương 5. Sản xuất hàng hoá trong NN	3	4	4	20
Chương 6. Phát triển NN bền vững	4	5	4	25
Chương 7. Kinh tế sản xuất ngành trồng trọt	3	5	4	25
Tổng	20	30	20	

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO3-5	
3	Vấn đáp	Rubric 3	CLO3-5	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO4-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-5	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80 số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Vũ Đình Thắng (2006), *Giáo trình Kinh tế nông nghiệp*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Quang Quý (2007), *Giáo trình Kinh tế nông nghiệp*. NXB Đại học Thái Nguyên.

Học phần 26. Quản trị kinh doanh nông nghiệp/Agribusiness management

- Số tín chỉ: 3 (LT:27, TL:27, TH: 9)
- Mã học phần: 161132
- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về khái niệm và đặc điểm QTKD nông nghiệp, bản chất của QTKD, đặc điểm và hệ thống kinh doanh, nông nghiệp đi vấn đề đại cương về quản trị doanh nghiệp; Các loại hình kinh doanh nông nghiệp; Báo cáo tài chính trong khuynh hướng và thách thức đối với quản trị kinh doanh nông nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp và kinh doanh nông nghiệp; tổng quan về báo cáo tài chính, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và ghi chép thông tin quản lý; Hoạt động Marketing của doanh nghiệp; Những vấn đề chung về tổ chức sử dụng và quản lý các yếu tố sản xuất trong

doanh nghiệp; tổ chức sử dụng đất đai, tư liệu sản xuất và sử dụng lao động trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản trong quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp bao gồm khái niệm, nguyên tắc và phương pháp quản trị kinh doanh, các loại hình kinh doanh trong nông nghiệp, và k

- CO3: Hình thành cho người học thái độ học tập nghiêm túc, yêu thích môn học và có ý thức trách nhiệm trong công việc được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần người học đạt các chuẩn đầu ra sau:

- CLO1: Phân tích được các hợp phần của hệ thống kinh doanh nông nghiệp và các đặc điểm của sản xuất kinh doanh nông nghiệp; Phân tích được nội dung cơ bản của bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- CLO2: Đưa ra được quyết định marketing về sản phẩm, về giá cả, về phân phối và về xúc tiến hỗn hợp; phân tích được nội dung tổ chức sử dụng đất đai, tư liệu sản xuất, lao động trong doanh nghiệp nông nghiệp.

- CLO3: Phân tích vấn đề từ các tình huống KTKD nông nghiệp cụ thể và đề xuất giải pháp xây dựng kế hoạch kinh doanh nông nghiệp. Có kỹ năng thảo luận và làm việc nhóm.

- CLO4: Sinh viên có ý thức trách nhiệm trong việc học tập, tuân thủ quy định nghề nghiệp và chủ động tìm kiếm tài liệu liên quan đến quản trị kinh doanh nông nghiệp. Tự tin trong việc vận dụng kiến thức vào hoạt động liên quan đến sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đại cương về quản trị kinh doanh nông nghiệp	4	3				18
Chương 2: Các loại hình kinh doanh nông nghiệp	6	5				27
Chương 3: Báo cáo tài chính doanh nghiệp	6	3	4			27
Chương 4: Hoạt động Marketing của doanh nghiệp	5	6		9		30
Chương 5: Nguồn lực của doanh nghiệp	6	6				33
Tổng	27	23	4	9		135

5. Phương pháp dạy – học: Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp

kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO1,2,4	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm	Rubric 3	CL2-4	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận	Rubric 5	CLO 1-4	20%
Thi cuối kì				
	Tự luận	Rubric 6	CLO 1-4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Trần Quốc Khánh (2005), *Giáo trình quản trị kinh doanh nông nghiệp*. NXB Lao động - xã hội.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp* –NXB Đại học kinh tế quốc dân.

Học phần 27. Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm / Quality management and food safety

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 36TL,BT; 0TH)
- Mã học phần: 161133
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về quản lý chuỗi thực phẩm từ cấp độ chế biến sơ cấp đến chế biến sản phẩm; các nội dung về hệ thống quản lý an toàn và chất lượng chuỗi nông sản tương ứng (GlobalGAP, VietGAP, GMP, HACCP,

ISO,GMP...); các phương pháp đánh giá việc thực hiện các hệ thống quản lý an toàn và chất lượng trên thực tế, quản lý việc thực hiện, quản lý hồ sơ cũng như truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được các kiến thức về nền tảng chất lượng và tích hợp các hệ thống quản lý chuỗi giá trị thực phẩm, hệ thống quản lý nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm, phương pháp truy xuất nguồn gốc và cách quản lý hồ sơ.

- CO2: Phân tích, giải quyết các vấn đề trong quản lý an toàn và chất lượng chuỗi thực phẩm.

- CO3: Độc lập, chủ động giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý an toàn và chất lượng chuỗi thực phẩm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các kiến thức về chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm trong thực tế.

- CLO2: Áp dụng được các hệ thống quản lý nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm trong sản xuất sơ cấp và sản xuất sản phẩm thực phẩm.

- CLO3: Vận dụng được phương pháp truy xuất nguồn gốc và cách quản lý hồ sơ.

- CLO4: Phân tích và giải quyết được các vấn đề trong quản lý an toàn và chất lượng chuỗi thực phẩm.

- CLO5: Thu thập, tổng hợp và giải quyết các vấn đề trong tình huống cụ thể, có thái độ học hỏi, có khả năng tìm kiếm, tổng hợp tài liệu liên quan đến quản lý và an toàn chất lượng thực phẩm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	LT	TL;BT	TH	Khác	
Chương 1. Giới thiệu chất lượng chuỗi thực phẩm	3	4			15
Chương 2. Tổng quan chất lượng và hệ thống quản lý chất lượng	6	8			30
Chương 3. Các hệ thống quản lý an toàn và chất lượng thực phẩm	6	8			30
Chương 4. Truy xuất và quản lý chuỗi thực phẩm	6	8			30
Chương 5. Quản lý hồ sơ	6	8			30
Tổng số	27	36	0	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, thực hành, bài tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-5	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric 2	CLO 1-5	
3	Bài tập nhóm	Rubc 3	CLO 1-5	
4	Bài kiểm tra viết	Rubc 4	CLO 1-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Viết	Rubric 5	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
2	Viết	Rubric 6	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá môn học:

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu, các bài thảo luận, các bài tập, bài thuyết trình theo yêu cầu của giáo viên.
- Sinh viên cần dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và dự thi kết thúc học phần khi có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Lê Nguyên Đoàn Duy (2014), *Giáo trình quản lý chất lượng và luật thực phẩm*. NXB Đại học Cần Thơ.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Hà Duyên Tư (2006), *Quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm*. NXB Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Học phần 28. Kinh tế tuần hoàn/ Circular economy

- Số tín chỉ: 3 (27LT; 27TL; 9TH)
- Mã học phần: 161134
- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: kinh tế tuần hoàn, chỉ số đo lường kinh tế tuần hoàn, các dòng chảy vật liệu trong nền kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng trong kinh tế tuần hoàn, các mô hình kinh doanh trong nền kinh tế tuần hoàn, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản và nguyên tắc cốt lõi của Kinh tế tuần hoàn - cách tiếp cận phát triển kinh tế mới, dựa trên triết lý khôi phục và tái tạo.

- CO2: Người học có kiến thức về các chỉ số đo lường kinh tế tuần hoàn, vai trò của người tiêu dùng trong nền kinh tế tuần hoàn.

- CO3: Người học có kiến thức về mô hình kinh doanh tuần hoàn, các chính sách kinh tế tuần hoàn trên thế giới và các chính sách kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

- CO3: Người học có kỹ năng xác định dòng chảy và phân loại dòng chảy, đo lường và quản lý các dòng chảy trong nền kinh tế tuần hoàn, có kỹ năng tư duy thiết kế mô hình tư duy tuần hoàn.

- CO4: Người học được phát triển hệ thống tư duy để nghiên cứu và ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng bền vững và các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành kinh tế và phát triển quốc tế. Đồng thời, sinh viên có cơ hội tiếp cận với các mô hình kinh tế tuần hoàn trong thực tế để tra dồi thêm kiến thức thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về lịch sử, khái niệm, xu hướng phát triển kinh tế tuần hoàn. Trình bày được các chỉ số đo lường kinh tế tuần hoàn, vai trò của người tiêu dùng trong nền kinh tế tuần hoàn.

- CLO2: Phân tích được mối quan hệ giữa kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

- CLO3: Xác định được và phân loại được dòng chảy, đo lường và quản lý được các dòng chảy trong nền kinh tế tuần hoàn.

- CLO4: Thiết kế được mô hình tư duy tuần hoàn.

- CLO5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết vấn đề liên quan đến kinh tế tuần hoàn.

4. Nội dung học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	
	Lý thuyết	TL;BT		
Chương 1. Giới thiệu về kinh tế tuần hoàn	3	2		10
Chương 2. Chỉ số đo lường kinh tế tuần hoàn	3	3	3	15
Chương 3. Các dòng chảy vật liệu trong nền kinh tế tuần hoàn	5	6		25
Chương 4. Tiêu dùng trong kinh tế tuần hoàn	5	5		25
Chương 5. Các mô hình kinh doanh trong nền kinh tế tuần hoàn	6	6	3	30
Chương 6. Chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn	5	5	3	30
Tổng	27	27	9	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric 1	CLO5	30%
2	Thảo luận nhóm (2 bài)	Rubric 2	CLO1-3	
3	Thực hành (1 bài)	Rubric 4	CLO3-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-5	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80 số tiết học trên lớp.

Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

Điểm kết thúc học phần: SV phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Mai, Phạm Văn Lợi, Nguyễn Hoa Cương (2013), *Kinh tế tuần hoàn và những mô hình tiên phong*. NXB Công thương.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Ron Gonen (2023), *Thế giới không rác thải*. NXB Công thương.

Học phần 29. Chính sách nông nghiệp/Agrycultural Policies

Số tín chỉ: 3TC (27LT; 27TL/BT; 9TH)

Mã học phần: 161136

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Các vấn đề cơ bản liên quan đến chính sách nông nghiệp, tầm quan trọng phải có những hoạch định chính sách nông nghiệp, phân tích chính sách nông nghiệp và cung cấp cụ thể một số chính sách nông nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

CO1. Hiểu được khái niệm, tầm quan trọng và các công cụ của chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp phát triển nông thôn.

CO2: Sinh viên có khả năng đánh giá khái quát tác động hiệu quả của một chính sách.

CO3. Sinh viên có khả năng làm việc nhóm trong quá trình nghiên cứu phân tích và đánh giá một chính sách.

CO4. Biết tận tụy với công việc, biết lắng nghe và có tư duy phản biện trong phân tích, đánh giá chính sách.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1. Hiểu được các khái niệm liên quan chính sách, tác động hiệu quả, hiệu lực của chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

CLO2. Hiểu các công cụ, biện pháp được sử dụng trong chính sách, trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

CLO3. Biết áp dụng phương pháp nhận diện tác động và đánh giá hiệu quả của chính sách trong nông nghiệp nông thôn

CLO4. Biết làm việc nhóm, trao đổi, học hỏi kiến thức và thông tin trong phân tích chính sách. Tôn trọng sự thật khách quan, tự tin đối với kết quả học tập và thực hành phân tích chính sách.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	TL; BT	Khác			
Chương 1: Những vấn đề cơ bản của Chính sách nông nghiệp	5	5		0		10
Chương 2: Hoạch định chính sách nông nghiệp	6	5		0		35
Chương 3: Phân tích chính sách nông nghiệp	8	10		4		30
Chương 4: Một số chính sách nông nghiệp	8	7		5		20
Tổng số	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:
Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, thực hành, bài tập.

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1,2,3,4	

2	Bài tập cá nhân/ tự học (1 bài)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2	30%
3	Bài tập nhóm (2 bài)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO 1,2	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kì	CLO 1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

+ Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu và làm BT, TH.

- Về đánh giá: Căn cứ vào mức độ kiến thức, kỹ năng đạt được, tinh thần, thái độ học tập, kết quả các bài kiểm tra để cho điểm, đảm bảo sự công bằng và chính xác.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Đỗ Kim Chung (2018), *Giáo trình Chính sách công*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

2. Đỗ Kim Chung (2021), *Giáo trình Kinh tế nông nghiệp*. Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp, Hà Nội

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Đình (2008), *Giáo trình chính sách nông nghiệp*,. Trường Đại học nông nghiệp 1 Hà Nội.

Học phần 30. Chuỗi giá trị nông sản/Agricultural product value chain

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 27TL, 9TH)

- Mã học phần: 161137

- Bộ môn quản lý học phần: LN&PTNT

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho người học cơ hội nắm bắt và trao đổi về các vấn đề liên quan đến chuỗi giá trị nông sản qua việc giới thiệu về những yếu tố tác động đến sự thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp và sự cần thiết của việc nghiên cứu và phân tích chuỗi giá trị nông sản. Các khái niệm về chuỗi giá trị nông sản, thị trường và kết nối thị trường, giới thiệu về hệ thống chuỗi giá trị và

phương pháp lựa chọn chuỗi giá trị để phân tích. Các công cụ được sử dụng trong việc phân tích chuỗi giá trị nông sản một cách cụ thể. Ngoài việc phân tích nhằm đánh giá và xây dựng các phương án nâng cấp chuỗi, người học còn được cung cấp những kiến thức liên quan đến việc tạo lập và duy trì các liên kết trong chuỗi giá trị nông sản theo hướng bền vững.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần giúp người học xác định những yếu tố tác động đến sự thay đổi của hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, sử dụng các công cụ để phân tích chuỗi giá trị nông sản, xây dựng các phương án nhằm của thiện hiệu quả hoạt động chuỗi giá trị nông sản và thiết lập chuỗi giá trị nông sản theo hướng bền vững.

- CO2: Rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp thể hiện qua việc vận dụng được các công cụ phân tích và xây dựng chuỗi giá trị nông sản. Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, trao đổi và hợp tác trong việc xây dựng và phát triển bền vững chuỗi giá trị nông sản.

- CO3: Hình thành cho người học thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và trong phát triển kinh tế nông nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần người học đạt các chuẩn đầu ra sau:

- CLO1: Trình bày được những yếu tố tác động đến sự thay đổi của hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, các phương pháp lựa chọn và phân tích chuỗi giá trị nông sản, các yếu tố ảnh hưởng đến tính bền vững trong liên kết chuỗi giá trị.

- CLO2: Xác định được những yếu tố tác động đến sự thay đổi của hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, phân tích được thực trạng và xu hướng phát triển chuỗi giá trị nông sản cụ thể.

- CLO3: Xây dựng được các phương án nhằm nâng cấp chuỗi giá trị nông sản và lập kế hoạch phát triển chuỗi giá trị nông sản đóng góp vào phát triển nông nghiệp-nông thôn.

- CLO4: Sinh viên có ý thức trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức chuyên môn nhằm góp phần xây dựng nền nông nghiệp phát triển bền vững. Có phẩm chất trung thực trong thu thập số liệu và thực hiện đánh giá các chuỗi giá trị nông sản.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới thiệu về chuỗi giá trị nông sản	4	2				15
Chương 2: Hệ thống chuỗi giá trị	4	4				15
Chương 3: Phân tích chuỗi giá trị nông sản	6	4	2	3		15
Chương 4: Phân tích SWOT và lợi thế cạnh tranh	4	4	2	3		25
Chương 5: Nâng cấp và hỗ trợ chuỗi giá trị	4	5		3		50

Chương 6: Xây dựng và duy trì liên kết bền vững	5	4				15
Tổng	27	23	4	9		135

5. Phương pháp dạy – học:

Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO1-2	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm	Rubric 3	CLO1-3	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO2-4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận	Rubric 5	CLO 2-3	20%
Thi cuối kì				
	Tự luận	Rubric 6	CLO 2-4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Võ Thị Thanh Lộc (2013). *Giáo trình Phân tích Chuỗi giá trị sản phẩm*. NXB Đại học Cần Thơ

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Thế Anh (chủ biên) và CS (2020), *phát triển chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn bền vững ở Việt nam*, NXB Nông nghiệp HN.

Học phần 31. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Thương mại nông sản quốc tế/ International Trade of Agricultural Products

- Số tín chỉ: 3TC (27LT; 36TL/BT)

- Mã học phần: 161138
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về nền kinh tế toàn cầu, Quan điểm về lý thuyết thương mại quốc tế; Thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán; Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Tăng trưởng kinh tế và Môi trường; Lý thuyết cổ điển về lợi thế so sánh; Lợi thế so sánh với hai yếu tố sản xuất; Thương mại nông nghiệp và phát triển kinh tế ; Bảo hộ Toàn cầu và Thương mại Nông nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Hiểu biết được những kiến thức về cơ bản về thương mại quốc tế nói chung và thương mại nông sản quốc tế nói riêng, lợi ích và hạn chế của thương mại nông sản quốc tế ở các quốc gia trên thế giới.
- CO2: Hiểu biết và phân tích được xu hướng thương mại nông sản quốc tế hiện nay.
- CO3: Dự báo và ước lượng được sự thay đổi về thương mại nông sản quốc tế của một số hàng hóa cụ thể.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO 1: Hiểu biết được những kiến thức về cơ bản về thương mại quốc tế nói chung và thương mại nông sản quốc tế nói riêng, lợi ích và hạn chế của thương mại nông sản quốc tế ở các quốc gia trên thế giới.
- CLO 2: Phân tích được xu hướng thương mại nông sản quốc tế hiện nay, dự báo và ước lượng được sự thay đổi về thương mại nông sản quốc tế của một số hàng hóa cụ thể.
- CLO 3: Tạo dựng kỹ năng nhận định và hiểu rõ thực trạng thương mại nông sản trong nước và quốc tế. Từ đó phân tích, ứng dụng những bài học của các nước đi trước vào điều kiện thực tế của đất nước và địa phương.
- CLO 4: Tự tìm đọc các tài liệu được hướng dẫn, nghiên cứu bài trước khi đến lớp. Tham gia thảo luận tích cực, phát huy kỹ năng làm việc theo nhóm. Hoàn thành các bài tập, chuyên đề nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới Thiệu môn học	5	0	0	0		10
Chương 2: Lý thuyết cổ điển về lợi thế so sánh	6	6	2	0		35

Chương 3: Lợi thế so sánh với hai yếu tố sản xuất	6	9	2	0		30
Chương 4: Thương mại nông nghiệp và phát triển kinh tế	6	5	3	0		20
Chương 5: Bảo hộ Toàn cầu và Thương mại Nông nghiệp	6	6	3	0		30
Tổng số	27	26	10	0		135

5. Phương pháp dạy học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bài tập.

6. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1,2,3,4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (1 bài)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2	
3	Bài tập nhóm (10%) (2 bài)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 2,3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO 1,2	20%
III	Thi cuối kỳ			
5	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO 1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

+ Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

+ Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu và làm bài tập

- Về đánh giá: Căn cứ vào mức độ kiến thức, kỹ năng đạt được, tinh thần, thái độ học tập, kết quả các bài kiểm tra để cho điểm, đảm bảo sự công bằng và chính xác.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Won W. Koo and P. Lynn Kennedy (2005), *International Trade and Agriculture*. Blackwell Publishing.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. M. Ataman Aksoy and John C. Beghin (2005), *Global agricultural trade and developing countries*. The World Bank.

2. Hoàng Thị Chinh (2005), *Giáo trình kinh tế quốc tế*. Trường ĐH Kinh tế HCM.

b. Kinh tế quốc tế/ International Economics

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 36 TL : 0TH)
- Mã học phần: 151045
- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: nền kinh tế thế giới, nội dung các mối quan hệ kinh tế quốc tế; Thương mại quốc tế và sự di chuyển các nguồn lực quốc tế, đồng thời học phần cũng chứa đựng các nội dung của Thanh toán quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu học phần

- C01: Người học hiểu rõ của nền kinh tế thế giới từ đó phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Phân tích các vấn đề có tính toàn cầu và cách thức giải quyết các vấn đề đó; Nhận biết các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại.

- C02: Người học hiểu những chính sách của Đảng và Nhà nước để phát triển kinh tế đối ngoại trong từng thời kỳ, từ đó sinh viên biết được đường lối, phương hướng trong hoạt động của bản thân nhằm phát huy hiệu quả những sản phẩm, những lợi thế của địa phương và quốc gia.

- C03: Người học hiểu rõ phương thức và thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế; Tính toán lợi ích của quốc gia khi tham gia vào thương mại quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích các tác động của nó đến nền KT Việt Nam và địa phương; Xác định được dòng di chuyển quốc tế các nguồn lực như vốn tư bản, nguồn lao động. Từ đó, người học tiếp cận và xây dựng được ý thức, hành động tham gia vào chu trình vận chuyển này; cấu trúc của cán cân thanh toán quốc tế (thặng dư và thâm hụt cán cân); các nghiệp vụ KD ngoại hối; quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.

- C04: Người học hiểu tác động của việc hội nhập kinh tế quốc tế; các loại hình liên kết trên thế giới và mức độ của Việt Nam khi tham gia vào liên kết và hội nhập; Nắm vững quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của các liên kết kinh tế và tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu: ASEAN, APEC, EU.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên có khả năng phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; khái niệm cơ bản của thương mại quốc tế và các hình thức thương mại quốc tế cơ bản hiện nay; Sử dụng được các mô hình cơ bản và hiện đại về thương mại quốc tế, từ đó phân tích và định vị được vị thế của quốc gia, của địa phương trong nền kinh tế thế giới.

- CLO2: Sinh viên Phân tích được các tác động của các công cụ chính sách thương mại quốc tế đến nền kinh tế Việt Nam và địa phương..

- CLO3: Xác định được nguyên nhân hình thành, tác động của di chuyển vốn đối với nước đầu tư và nước nhận đầu tư đối với từng hình thức đầu tư quốc tế. Xác định các bộ phận trong cán cân thanh toán quốc tế và vai trò của chúng; Xác định vai trò của TGHĐ và các nhân tố ảnh hưởng tới nó

- CLO4: Sinh viên xác định tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới nền kinh tế của Việt Nam hiện nay; Xác định các loại hình liên kết, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay; Phân tích cơ hội, thách thức khi Việt Nam tham gia vào các liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

- CLO5: Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới thiệu kinh tế quốc tế và tổng quan về nền kinh tế thế giới	5	4				10
Chương 2: Lý thuyết về thương mại quốc tế	5	8				15
Chương 3: Chính sách thương mại quốc tế	5	6				25
Chương 4: Di chuyển quốc tế các nguồn lực	3	3				25
Chương 5: Cán cân thanh toán quốc tế	3	3				25
Chương 6: Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối	3	3				25
Chương 7: Hội nhập kinh tế quốc tế	3	5				10
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Viết	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3	30%
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2	20%
Thi cuối kỳ				
1	Thi vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có TL số 1) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của GV; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đỗ Đức Bình & Ngô Thị Tuyết Mai (2012), *Kinh tế quốc tế*. NXB ĐHKQTĐ

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Tôn Hoàng Thanh Huế, Nguyễn Thị Mai (2020), *Câu hỏi và bài tập Kinh tế quốc tế*. NXB ĐHKQTĐ

2. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2008), *Kinh tế quốc tế*. NXB ĐHKQTĐ.

Học phần 32. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Quản trị doanh nghiệp / Enterprise management

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 26TL, 10TH)

- Mã học phần: 254051

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: quản trị doanh nghiệp, Lịch sử quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp, thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; các chức năng quản trị doanh nghiệp như hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra; Các phương pháp quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần cũng sẽ giúp người học phân loại được doanh nghiệp, thiết lập được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp nhỏ; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Phân tích và quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Học viên có thể phân tích và vận dụng kiến thức tổng quan về quản trị doanh nghiệp, các phương pháp ra quyết định và hoạch định trong DN vào thực tiễn.
- CO2: Học viên có thể lựa chọn và sử dụng được một số các kỹ năng quản trị điều hành cơ bản từ đó tự tin áp dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CO3: Học viên có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích ưu nhược điểm của các loại hình doanh, cách thức thu thập thông tin, hoạch định chương trình và xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp. Biết được công việc của giám đốc doanh nghiệp, các tố chất cần có của giám đốc DN từ đó có thể xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng năng lực để trở thành giám đốc DN trong tương lai.
- CLO2: Phân tích và so sánh được các phương pháp điều hành doanh nghiệp từ đó có thể lựa chọn và vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO3: Nắm vững các phương pháp kiểm tra, kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp.
- CLO4: Thành thạo các kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định; Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược; Kỹ năng kiểm soát, Xây dựng mô hình kinh doanh
- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			TH		Khác
	LT	TL	BT			
Tổng quan về quản trị doanh nghiệp	4	6			24	
Giám đốc doanh nghiệp	4	2		10	23	

Thông tin và quyết định doanh nghiệp	5	5			22
Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp	4	6			24
Cơ cấu quản trị doanh nghiệp	2	1			11
Phương pháp điều hành trong quản trị doanh nghiệp	3	2			10
Quản trị kết quả kinh doanh và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp	5	4			21
Tổng	27	26		10	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; học tập thực tế ngoài lớp học.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Bài thảo luận nhóm (2 bài)	Rubric thảo luận nhóm	CLO4	
3	Thuyết trình (1 bài)	Rubric thuyết trình	CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Thi Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
III. Thi cuối kỳ				50%
1	Thi Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm BTL)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của GV; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp*. NXB Đại học kinh tế quốc dân.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo (không quá 02)

1. Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (Đồng chủ biên) (2019), *Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thị Loan, Trịnh Thị Thu Huyền (Đồng chủ biên) (2022), Cẩm nang “Hỗ trợ DNNVV tỉnh Thanh Hoá phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid -19”. NXB Thanh Hoá.

b. Quản trị tài chính doanh nghiệp/ Corporate Finance

- Số tín chỉ: 03 (27; 36; 0)
- Mã học phần: 152007
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp – Phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư; Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính – Quản trị dòng tiền của doanh nghiệp - Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp
- CO2: Người học đưa ra được các giải pháp về quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp
- CO3: Người học tính toán được lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng trường hợp cụ thể
- CO4: Người học phân tích được các chính sách cổ tức của công ty cổ phần.
- CO5: Người học thành thạo trong việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp và lập kế hoạch tài chính

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có kỹ năng phân tích quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp.
- CLO2: Thành thạo trong việc xác định được lợi nhuận trong từng trường hợp cụ thể.
- CLO3: Có kỹ năng phân tích chính sách cổ tức của công ty cổ phần, kỹ năng phân tích đánh giá các hệ số tài chính doanh nghiệp
- CLO4: Hình thành kỹ năng lập kế hoạch tài chính
- CLO5: Có ý thức, trách nhiệm trong công việc

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp	2				15	
Chương 2: Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp	7		12		30	

Chương 3: Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	6		9			30
Chương 4: Chính sách cổ tức của công ty cổ phần	4	2				20
Chương 5: Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính	4		4			20
Chương 6: Kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp	4		9			20
Tổng	27	2	34	0		135

5. Phương pháp dạy - học: Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: kết hợp phương pháp dạy học thuyết trình với trình chiếu slide, thảo luận, thực hành theo nhóm, nêu và hướng dẫn cách giải quyết vấn đề cho người học theo hướng nâng cao tính tích cực, chủ động trong học tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO2, CLO4	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, CLO3	
4	Câu hỏi trắc nghiệm	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO2;CLO3 CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				
	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO2,4	20%
III. Thi cuối kỳ				
	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*. Nxb Tài chính.

8.2. Giáo trình tham khảo

1. Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), *Tài chính doanh nghiệp*. NXB Kinh tế quốc dân.

2. Bùi Văn Vân (2009), *Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp*.

NXB Tài chính

Học phần 33. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Kinh tế đầu tư/ Investment Economics

- Số tín chỉ: 02 (18 LT : 24 TL: 0TH)

- Mã học phần: 151065

- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: đầu tư, đầu tư phát triển, công tác quản lý và kế hoạch hoá hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- C01: Sinh viên có khả năng xác định một dự án cần những điều kiện gì, các lập một dự án đầu tư khả thi. Sinh viên tự lập kế hoạch huy động vốn, cách tính lãi xuất đi vay cho dự án, thẩm định về mặt tài chính cho dự án

- C02: Sinh viên hiểu được bản chất của nguồn vốn đầu tư trên góc độ vi mô, vĩ mô, điều kiện huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Hiểu được các nhân tố cấu thành và tác động của các yếu tố này đến ý định và hành vi đầu tư, từ đó nắm bắt được mối quan hệ giữa môi trường đầu tư và chi phí đầu tư, mức độ rủi ro và rào cản cạnh tranh trên thị trường

- C03: Sinh viên vận dụng phân tích và đánh giá hoạt động đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, đầu tư quốc tế và đầu tư công của địa phương và Việt Nam...

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu các khái niệm đầu tư, đầu tư phát triển; đầu tư công, đầu tư trong doanh nghiệp hiểu rõ các đặc điểm riêng có của hoạt động đầu tư phát triển; Hiểu rõ tác động của hoạt động đầu tư phát triển trên góc độ vĩ mô và bản chất của nguồn huy động vốn theo 2 quan điểm.

- CLO2: Những phương pháp đánh giá kết quả của hoạt động đầu tư phát triển; SV hiểu rõ về chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án

- CLO3: Hiểu rõ về hiệu quả đầu tư; Sinh viên hiểu rõ về chỉ tiêu NPV, B/C, T; IRR, so sánh lựa chọn dự án đầu tư; Hiểu được kiến thức về tài chính dự án, cách thức huy động vốn và nắm vững cách tính lãi xuất đi vay

- CLO4: Phân biệt được đầu tư phát triển, đầu tư tài chính và đầu tư thương mại; Phân biệt được sự khác nhau giữa môi trường đầu tư của các nước nhận đầu tư và các nước đi đầu tư. Sinh viên vận dụng 3 tác động của môi trường đầu tư, chỉ số đánh giá môi trường đầu tư để đánh giá hoạt động đầu tư của địa phương và nền kinh tế VN

- CLO5: Kỹ năng lựa chọn dự án có hiệu quả kinh tế cao thông qua việc đánh giá tiêu chí tài chính. Kỹ năng làm việc nhóm, biết thuyết trình về dự án đầu tư.

- CLO6: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Đầu tư Phát triển	4	3				18
Chương 2: Môi trường đầu tư	2	3				9
Chương 3: Kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển	6	4	6			31,5
Chương 4: Đầu tư công	2	4				10,5
Chương 5: Đầu tư quốc tế	2	4				10,5
Chương 6: Đầu tư phát triển trong doanh nghiệp	2	6				10,5
Tổng	18	24	6			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp xây dựng tình huống; Hướng dẫn sinh viên xây dựng dự án theo nhóm và thuyết trình

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I.Kiểm tra thường xuyên (03 bài)				
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài thảo luận nhóm (1 bài)	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
3	Viết (1 bài)	Rubric Viết	CLO2,5	
II.Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)				
1	Viết	Đề thi và đáp án(Rubric Viết)	CLO5	20%
III.Thi cuối kì				
1	Viết	Đề thi và đáp án (Rubric Viết)	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

Sinh viên cần có đủ tài liệu (ít nhất có tài liệu 1, 2) và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)

Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Giáo trình bắt buộc

1. Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2013), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*. NXB ĐHKQTĐ

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), *Lập dự án đầu tư*. NXB ĐHKQTĐ

2. Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Tôn Hoàng Thanh Huế, Lê Huy Chính (2019), *Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa*. NXB ĐHKQTĐ.

b. Kinh tế thương mại/ Trade Economics

- Số tín chỉ: 02 (18 LT : 24 TL :0TH)

- Mã học phần: 151041

- Bộ môn quản lý học phần : Kinh tế

- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: kinh tế thương mại; khái niệm và điều kiện lịch sử ra đời của thương mại, vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung, và để quản lý ngành thương mại có hiệu quả nhà nước đã sử dụng nhiều chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý khác nhau. Trong cơ chế thị trường hàng hóa và dịch vụ là đối tượng kinh doanh khác nhau. Các phương pháp đánh giá được hiệu quả kinh doanh thương mại, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- C01: Học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản để: có thể quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh thương mại trong các doanh nghiệp đạt hiệu quả cao. Vận dụng các chính sách quản lý thương mại vào trong hoạt động của doanh nghiệp thương mại dịch vụ. Tự đánh giá được hiệu quả kinh tế của từng HĐKD thương mại.

- C02: Học xong học phần này người học có những kỹ năng cơ bản trong: vận dụng lý luận kinh doanh thương mại vào thực tiễn để thấy được tầm quan trọng thương

mại dịch vụ. Ứng xử được các tình huống để thu hút được khách hàng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Chủ động, sáng tạo, phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tế kinh doanh thương mại.

- C03: Người học cần có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức về các thành phần của môi trường, bản chất của môi trường. Phân tích và lựa chọn đúng mối quan hệ giữa môi trường và phát triển; Nắm được các mô hình chiến lược phát triển.

- CLO2: Sinh viên có kiến thức về vai trò của quản lý nhà nước đối với thương mại trong nền kinh tế thị trường; nội dung quản lý nhà nước đối với thương mại; hệ thống quản lý nhà nước đối với thương mại. Nắm và hiểu vai trò của các công cụ quản lý thương mại; những xu hướng cơ bản trong chính sách thương mại; các công cụ chủ yếu của chính sách thương mại.

- CLO3: Sinh viên có cái nhìn một cách toàn tổ chức kinh doanh thương mại hàng hóa trong cơ chế thị trường: hệ thống kinh doanh thương mại trong nền kinh tế quốc dân ở nước ta; loại hình kinh doanh và đặc trưng các loại hình kinh doanh thương mại

- CLO4: Sinh viên có kiến thức tổng quát về kinh doanh dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân

- CLO5: Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Nhập môn Kinh tế thương mại dịch vụ	3	3				9
Chương 2: Hệ thống quản lý Nhà nước về thương mại	2	3				10.5
Chương 3: Dịch vụ thương mại trong nền KTQT	2	3				9
Chương 4: Chính sách và công cụ quản lý thương mại	3	4				18
Chương 5: Tổ chức kinh doanh thương mại trong cơ chế thị trường	2	3				10.5
Chương 6: Hoạt động thương mại của các DN sản xuất	3	4				18
Chương 7: Hạch toán kinh doanh và hiệu quả kinh doanh thương mại	3	4				18
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; phương pháp tình huống; Hướng dẫn SV hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I.Kiểm tra thường xuyên (03 bài)				
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric chuyên cần	CLO5	
2	Trắc nghiệm (1 bài)	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu (Rubric trắc nghiệm)	CLO2	30%
3	Bài thảo luận nhóm (1 bài)	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
II.Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)				
1	Viết	Đề thi và đáp án (Rubric viết)	CLO2,3	20%
III.Thi cuối kỳ				
1	Viết	Đề thi và đáp án (Rubric viết)	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên, một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi/hoặc làm bài tập lớn thay thế bài thi học phần (nếu có đủ điều kiện làm bài tập lớn theo quy định).
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân (2017), *Giáo trình Kinh tế thương mại*. NXB ĐHKQTĐ

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Trương Đình Chiến (2008), *Quản trị kênh phân phối*. NXB ĐHKQTĐ

Học phần 34. Chọn 1 trong 3 học phần

a. Logistics trong nông nghiệp

- Số tín chỉ: 03 (27 LT : 27TL : 9TH)
- Mã học phần: 161139

- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hoá xuất nhập khẩu bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức, logistics trong nông nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về Logistic và vận tải quốc tế, kinh tế, từ đó có thể vận dụng thành thạo trong học tập, nghiên cứu khoa học và áp dụng được trong thực tiễn.

- CO2: Người học có thể lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, công cụ, các hệ thống chỉ tiêu nhằm hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch áp dụng trong thực tiễn công việc.

- CO3: Người học có kiến thức về logistics trong nông nghiệp và hệ thống logistics nông sản.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về logistics, các vấn đề quản trị logistics đầu vào, đầu ra, cách quản trị để đạt được tiết kiệm các yếu tố vật chất trong sản xuất kinh doanh. Trình bày được khái niệm, đặc trưng cơ bản của nhu cầu vật tư, hàng hóa, kết cấu và các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vật tư, hàng hóa trong doanh nghiệp.

- CLO2: Trình bày được cách thức quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa tại kho hàng từ các chỉ tiêu đánh giá hoạt động kinh doanh kho hàng từ đó phân tích được kết quả kinh doanh kho hàng hóa và nắm được các nội dung cơ bản của công tác kiểm tra, kiểm kê kho.

- CLO3: Nắm bắt được các công nghệ sử dụng trong logistic, các mô hình hệ thống thông tin cơ bản được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay. Hiểu được khái niệm cũng như các tiêu chuẩn để đánh giá dịch vụ khách hàng, các thành phần của dịch vụ khách hàng từ đây xây dựng chiến lược dịch vụ khách hàng hiệu quả.

- CLO4: Xây dựng được hệ thống logistics nông sản và đề xuất được các giải pháp trong xuất khẩu hàng hóa nông sản.

- CLO5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết vấn đề liên quan đến logistics và logistics nông sản.

4. Nội dung học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	
	Lý thuyết	TL;BT		
Nội dung 1. Những vấn đề chung về logistics	2	2		10

Nội dung 2. Quản trị logistics doanh nghiệp	2	2		10
Nội dung 3. Quản trị nhu cầu	2	2		10
Nội dung 4. Quản trị dự trữ	2	2		10
Nội dung 5. Quản trị kho hàng hóa	2	2		10
Nội dung 6: Quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa	3	3		20
Nội dung 7: Hệ thống thông tin logistics	3	3		15
Nội dung 8: Quản trị dịch vụ khách hàng	3	3		15
Nội dung 9: Logistics trong nông nghiệp	8	8		35
Thực hành			9	
Tổng cộng	27	27	9	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
1	Chuyên cần (1 bài)	Rubric 1	CLO5	30%
2	Thảo luận nhóm (2 bài)	Rubric 2	CLO3-5	
3	Thực hành (1 bài)	Rubric 4	CLO3-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-5	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80 số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đặng Đình Đào (2018), *Giáo trình quản trị logistics*. NXB Tài chính.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. An Thị Thanh Nhân (2017), *Giáo trình quản trị logistics kinh doanh*. NXB Hà Nội.

b. Tài chính công/Public Finance

- Số tín chỉ: 03 (27; 30; 6)
- Mã học phần: 152100
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính - Tiền tệ

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: tài chính công và quản lý tài chính công như khái niệm, phân loại tài chính công; khái niệm, mục tiêu, nội dung của quản lý tài chính công; Bộ máy quản lý tài chính công và các kiến thức nghiệp vụ về quản lý tài chính công giải quyết những vấn đề nghiệp vụ về quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN và đánh giá quản lý tài chính công như nguyên tắc quản lý NSNN, phân cấp quản lý NSNN, qui trình quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công, nội dung thu chi NSNN, chu trình quản lý NSNN, hệ thống mục lục NSNN, quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

- CO2: Người học hiểu rõ quy trình lập dự toán ngân sách, chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách, quản lý chi thường xuyên, chi đầu tư của ngân sách, quản lý thu thuế, phí, lệ phí thuộc NSNN, quản lý tài chính cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

- CO3: Người học vận dụng được kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn như lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, phân loại thu, chi NSNN theo các tiêu chí để có thể đánh giá hiệu quả của việc chi NSNN ở các cơ quan, đơn vị, quản lý thu phí, lệ phí ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Học xong học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững được các quy định về tài chính công, quản lý tài chính công, quản lý thu chi NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN để xử lý các tình huống về tài chính công diễn ra trong thực tiễn.

- CLO2: Thành thạo trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng NSNN.

- CLO3: Nắm vững nội dung quản lý tài chính công để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tài chính công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc .

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học
		Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	
1	ND1: Những vấn đề cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công	4	4	0	0	20
2	ND2: NSNN và chu trình NSNN	3	3	0	0	10,5
3	ND3: Quản lý thu NSNN	4	0	4	0	21
4	ND4: Quản lý chi đầu tư phát triển của NSNN	4	0	5	2	21,5
5	ND5: Quản lý chi thường xuyên của NSNN	4	0	5	2	21,5
6	ND6: Quản lý tài chính ở CQ hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	4	0	4	2	19,5
7	ND7: Tổ chức cân đối NSNN	2	0	2	0	10,5
8	ND8: Quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN	2	0	3	0	10,5
Tổng cộng		27	07	23	06	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và làm bài tập tính thuế, xử lý tình huống tài chính công trong thực tiễn.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
1	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1,2	20%
III. Thi cuối kỳ				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- SV cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan (2009), *Giáo trình quản lý tài chính công*. NXB Tài chính.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài (2009), *Lý thuyết Tài chính công*. NXB ĐHQG, TP HCM

2. Trương Huỳnh Thắng (2016), *Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015*. NXB Chính trị Quốc gia.

c. Thuế/ Taxes

- Số tín chỉ: 03 (27; 30; 6)
- Mã học phần: 152101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính – Ngân hàng
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính - Tiền tệ

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: thuế; 5 luật thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay như : Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập cá nhân. Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng về phương pháp tính thuế và cách kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế ở các cơ sở kinh doanh và đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy định như đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, đối tượng nộp thuế.
- CO2: Người học hiểu rõ các phương pháp tính thuế, kê khai, nộp thuế, quyết toán các sắc thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân, thuế khác.
- CO3: Người học vận dụng được các phương pháp tính thuế đã được học. Đủ khả năng tính, kê khai, nộp, quyết toán thuế vào ngân sách Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Học xong học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Nắm vững được các quy định về các sắc thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN để xử lý các tình huống về thuế diễn ra trong thực tiễn.

- CLO2: Thành thạo trong việc tính, kê khai, nộp quyết toán các loại thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN ở các đơn vị và doanh nghiệp.

- CLO3: Nắm vững nội dung quản lý các sắc thuế hiện hành để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tại các cơ quan thuế

- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc .

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
ND1: Những vấn đề cơ bản về thuế	3	3				15
ND2: Quản lý thuế	4	3				20
ND3: Thuế giá trị gia tăng	4		6	2		20
ND4: Thuế tiêu thụ đặc biệt	4		5	1		20
ND5: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	4		3	1		20
ND6: Thuế thu nhập doanh nghiệp	4		6	2		20
ND7: Thuế thu nhập cá nhân	4		4			20
Tổng	27	6	24	06		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và làm bài tập tính thuế, xử lý tình huống thuế trong thực tiễn.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO1	
			CLO2	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm (2 bài)	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO1,2	20%
III. Thi cuối kì				
	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: SV phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: SV phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và ĐC chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất (2016), *Chính sách và nghiệp vụ Thuế*. NXB Lao động.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2014), *Thuế*. Nxb Tài chính.
2. Lê Hoàng Bá Huyền (2016), *Câu hỏi và bài tập thuế*. Nxb Lao động.

Học phần 35. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Hệ thống nông nghiệp/ Agricultural System

- Số tín chỉ: 3 (20LT; 30TL; 20TH)
- Mã học phần: 163071
- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học cây trồng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lý thuyết hệ thống trong phát triển và hệ thống nông nghiệp. Vai trò của nông nghiệp và các loại hệ thống nông nghiệp và tổng quan nghiên cứu – phát triển hệ thống nông nghiệp. Phân tích mô tả hệ thống nông nghiệp, nghiên cứu thử nghiệm và chuyển giao và mở rộng kết quả nghiên cứu – phát triển hệ thống nông nghiệp

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về hệ thống nông nghiệp, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.
- CO2: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về lý thuyết phát triển trong hệ thống nông nghiệp. Vai trò của các loại hệ thống nông nghiệp. Cách phân tích mô tả hệ thống nông nghiệp và nghiên cứu thử nghiệm và chuyển giao và mở rộng kết quả nghiên cứu – phát triển hệ thống nông nghiệp
- CO3: Người học có kỹ năng thực hiện được các phân tích định tính và định lượng các chỉ tiêu vật lý và hóa học trong đất. Kiến thức về sử dụng thiết bị, dụng cụ, hóa chất, an toàn trong phòng thí nghiệm;
- CO4: Người học có khả năng tiếp cận các kiến thức về các tiến bộ trong lĩnh vực hệ thống nông nghiệp. Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có khả năng tổ chức, quản lý các hoạt động nhóm và thuyết trình để thích ứng với nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về lý thuyết phát triển trong hệ thống nông nghiệp và vai trò của các loại hệ thống nông nghiệp; vai trò của các loại hệ thống nông nghiệp khác nhau; Cách phân tích mô tả hệ thống nông nghiệp và nghiên cứu thử nghiệm và chuyển giao và mở rộng kết quả nghiên cứu – phát triển hệ thống nông nghiệp; tình hình thực tế các loại hệ thống nông nghiệp tại Việt Nam và trên thế giới
- CLO2: Giải thích được sự khác nhau về các loại hệ thống nông nghiệp phổ biến
- CLO3: Thực hiện được các phương pháp phân tích hệ thống nông nghiệp
- CLO4: Tuân thủ các nội quy, quy định về an toàn trong quá trình làm việc tại cơ sở sản xuất và địa điểm xây dựng mô hình; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

4. Nội dung học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học		Thực hành	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			
	LT	TL,BT		
Chương 1. Lý thuyết hệ thống trong phát triển và hệ thống nông nghiệp	2	3		18
Chương 2. Vai trò của nông nghiệp và các loại hệ thống nông nghiệp	2	4		18
Chương 3. Tổng quan nghiên cứu – phát triển hệ thống nông nghiệp	2	3		19
Chương 4. Lựa chọn khu vực và điểm nghiên cứu trong hệ thống nông nghiệp	2	4		16
Chương 5. Phân tích mô tả hệ thống nông nghiệp	3	4		15
Chương 6. Phát hiện vấn đề hạn chế và khai thác tiềm năng	4	5		19
Chương 7. Nghiên cứu thử nghiệm đồng ruộng	3	4		15
Chương 8: Chuyển giao và mở rộng kết quả nghiên cứu – phát triển hệ thống nông nghiệp	2	3		15
Tổng	20	30	20	

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-4	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO1	
3	Vấn đáp	Rubric 3	CLO1,2	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO2-4	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-2	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO2-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Phạm Tiến Dũng, Vũ Đình Tôn (2013), *Giáo trình hệ thống nông nghiệp*. NXB Đại học Nông Nghiệp.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Bình Quyền (2007), *Hệ sinh thái nông nghiệp và phát triển bền vững*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

b. Nông lâm kết hợp/ Intergrated Agro - Forestry

Số tín chỉ: 3 (20LT; 30TL; 20TH)

Mã học phần: 161200

Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và PTNT

Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về nông lâm kết hợp và xu hướng phát triển nông lâm kết hợp; kỹ thuật nông lâm kết hợp; tiếp cận bền vững trong nông lâm kết hợp; Các mô hình nông lâm kết hợp ở Việt Nam; thị trường nông lâm sản ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nhận thức vai trò của hệ thống nông lâm kết hợp trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển nông thôn. Hiểu được nguyên lý cơ bản của nông lâm kết hợp, xu hướng phát triển nông lâm kết hợp, kỹ thuật nông lâm kết hợp. Mô tả được đặc điểm các hệ thống nông lâm kết hợp.

- CO2: Giải thích được nguyên lý kỹ thuật trong xây dựng mô hình nông lâm kết hợp để thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay; Phân tích được thị trường nông lâm sản hiện nay ở Việt Nam; Nhận diện một số hệ thống nông lâm kết hợp; thiết kế được một bản dự toán chi phí, tính toán được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của mô

hình sản xuất nông lâm kết hợp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được nguyên lý cơ bản của nông lâm kết hợp, đặc điểm cơ bản của một mô hình nông lâm kết hợp. Phân tích kỹ thuật nông lâm kết hợp áp dụng cho từng điều kiện sản xuất cụ thể.

- CLO2: Xây dựng được một bản dự toán chi phí, và thực hiện được một mô hình sản xuất nông lâm kết hợp phù hợp. Đánh giá được hiệu quả của mô hình sản xuất nông lâm kết hợp

- CLO3: Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập, kỹ năng thuyết trình các vấn đề liên quan đến sản xuất nông lâm nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nông lâm kết hợp và xu hướng phát triển nông lâm kết hợp	4	5				35
Kỹ thuật nông lâm kết hợp	5	4	5	9		45
Tiếp cận bền vững trong nông lâm kết hợp	4	5				25
Các mô hình nông lâm kết hợp ở Việt Nam	5	7		7		15
Thị trường nông lâm sản ở Việt Nam	2	4		4		15
Tổng	20	25	5	20		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; phát vấn; thảo luận nhóm; thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Kiểm tra viết: Nguyên lý kỹ thuật nông lâm kết hợp	Rubric 2	CLO1	30%
2	Thuyết trình: Xây dựng bản dự toán chi phí cho một mô hình nông lâm kết hợp cụ thể	Rubric 3 Rubric 1	CLO2	
3	Làm bài tập: tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng hợp của mô hình nông lâm kết hợp	Rubric 2 Rubric 1	CLO2	

4	Thực hành:	Rubric 2 Rubric 1	CLO2 – CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	<i>Làm bài viết – tự luận:</i> Đánh giá hiệu quả tổng hợp của các hệ thống sử dụng đất, phân tích lựa chọn hệ thống sử dụng đất hiệu quả.	Rubric 4	CLO1 CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	<i>Hình thức thi viết - tự luận</i>	Rubric 5	CLO1, CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- + Tham gia ít nhất 17 tiết lý thuyết, 27 tiết thảo luận, bài tập, 21 tiết thực hành
- + Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần
- + Trong quá trình học phải tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tự học, thảo luận nhóm.
- + Hoàn thành 3 bài kiểm tra thường xuyên, 01 báo cáo thực hành môn học và 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Về đánh giá: Căn cứ vào mức độ kiến thức, kỹ năng đạt được, tinh thần, thái độ học tập, kết quả các bài kiểm tra để cho điểm, đảm bảo sự công bằng và chính xác.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Phạm Quang Vinh, Phạm Xuân Hoàn (2005), *Nông lâm kết hợp*. NXB Nông nghiệp, HN

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Chu Thị Thơm (2006), *Hướng dẫn sản xuất kết hợp nông - lâm nghiệp ở vùng đồi núi*. NXB Lao động.

2. Chu Thị Thơm (2006), *Kỹ thuật canh tác trên đất dốc*. NXB Lao động.

Học phần 36. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Lập và quản lý dự án phát triển nông thôn / Establishment and management of rural development projects

- Số tín chỉ: 03 (20LT; 30TL; 20TH)
- Mã học phần: 163317
- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức về dự án và xây dựng dự án, các bước trong việc tiến hành xây dựng một dự án theo phương pháp LFA; Các khâu trong việc thẩm định, đánh giá và giám sát một dự án; một số phương pháp, công cụ trong việc điều tra, đánh giá và thu thập thông tin cho việc xây dựng, thẩm định và giám sát một dự án phát triển nông thôn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Các khái niệm cơ bản về dự án, các bước trong một chu trình dự án cũng như trong công tác quản lý dự án; nội dung, phương pháp xây dựng, thực hiện dự án phát triển nông thôn; nội dung phương pháp phân tích, thẩm định dự án; quy trình trong việc giám sát và đánh giá một dự án phát triển nông thôn.

- CO2: Xây dựng và hoàn thiện được cây vấn đề và chuyển cây vấn đề thành cây mục tiêu cụ thể cho một cộng đồng, một địa phương cụ thể; xây dựng được khung LFA hoàn chỉnh cho việc xây dựng một dự án phát triển nông thôn với qui mô nhỏ.

- CO3: Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của lập và quản lý dự án đối với việc phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- CO4: Người học có thể tham gia công tác xây dựng và thực hiện được các dự án phát triển nông thôn tại các cộng đồng và địa phương.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về dự án, các bước trong một chu trình dự án cũng như trong công tác quản lý dự án; các khái niệm cơ bản về nội dung, phương pháp xây dựng, thực hiện dự án phát triển nông thôn; các khái niệm cơ bản về nội dung phương pháp phân tích, thẩm định dự án; các khái niệm cơ bản về quy trình trong việc giám sát và đánh giá một dự án phát triển nông thôn.

- CLO2: vận dụng được kiến thức để xây dựng cây vấn đề và chuyển cây vấn đề thành cây mục tiêu cụ thể cho một cộng đồng, một địa phương cụ thể; xây dựng được khung LFA hoàn chỉnh cho việc xây dựng một dự án phát triển nông thôn với qui mô nhỏ.

- CLO3: Xây dựng và thực hiện được các dự án phát triển nông thôn tại các cộng đồng và địa phương.

- CLO4: Có thái độ đúng đắn về tầm quan trọng vai trò và tầm quan trọng của lập và quản lý dự án đối với việc phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nhận thức đúng trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong lập và quản lý dự án đối với việc phát triển nông nghiệp, nông thôn của đơn vị/địa phương.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	TL;BT	Khác			
Chương 1: Khái niệm cơ bản về dự án	2	3	0	0		20
Chương 2: Xây dựng dự án phát triển nông thôn	4	5	0	0		25
Chương 3: Phân tích và thẩm định dự án	7	10	0	6		30
Chương 4: Thực hiện dự án phát triển nông thôn	3	6	0	7		30
Chương 5: Giám sát và đánh giá dự án phát triển nông thôn	4	6	0	7		30
Tổng	20	30	0	20		135

5. Phương pháp dạy - học

Hình thức dạy học được áp dụng trong học phần bao gồm: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, nghiên cứu tính huống, thực hành ngoài đồng ruộng.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá kết quả điểm chuyên cần	Rubric 1	CLO6	30%
2	Làm bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO2	
3	Thuyết trình theo chủ đề (bài tập nhóm)	Rubric 3	CLO1,2	
4	Đánh giá kết quả bài thực hành	Rubric 4	CLO2,3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Làm bài viết – tự luận	Rubric 5	CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức thi viết - tự luận	Rubric 6	CLO1,2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số tiết lý thuyết, dự các tiết thảo luận và thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*. ĐHKQTĐ.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Trần Hữu Đào (1997), *Quản lý dự án nông thôn*. Nxb Thống kê.

b. Phát triển nông thôn/ Rural development

- Số tín chỉ: 03 (20LT; 30TL; 20TH)

- Mã học phần: 163068

- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học cây trồng.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò của phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn đối với phát triển kinh tế nông thôn nói riêng và kinh tế quốc dân nói chung. Đồng thời môn học cũng khái quát vai trò của các cơ quan tổ chức trong phát triển nông thôn, những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giải thích được những kiến thức cơ bản về vai trò của phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn đối với phát triển kinh tế nông thôn nói riêng và kinh tế quốc dân nói chung. Đồng thời môn học cũng khái quát vai trò của các cơ quan tổ chức trong phát triển nông thôn.

- CO2: Vận dụng được các kiến thức về vai trò của phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội, môi trường nông thôn và vai trò của các cơ quan tổ chức đối với phát triển nông thôn nói chung và kinh tế nông thôn nói riêng nhằm xây dựng và phát triển địa phương.

- CO3: Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển nông thôn và trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong xây dựng và phát triển địa phương.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn đối với phát triển kinh tế nông thôn nói riêng và kinh tế quốc dân nói chung;

CLO2: Trình bày được vai trò của các cơ quan tổ chức trong phát triển nông thôn.

CLO3: Phân tích được vai trò của phát triển nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội, môi trường nông thôn và vai trò của các cơ quan tổ chức đối với phát triển nông thôn nói chung và kinh tế nông thôn nói riêng nhằm xây dựng và phát triển địa phương.

CLO4: Có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của phát triển nông thôn và trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong xây dựng và phát triển địa phương; xây dựng chiến lược xây dựng và phát triển nông thôn tại địa phương.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới thiệu về phát triển nông thôn	3	4	1	0		28
Chương 2: Phát triển kinh tế nông thôn	5	7	1	5		28
Chương 3: Phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn	6	6	1	5		28
Chương 4: Vai trò của nhà nước và các tổ chức trong phát triển nông thôn	2	4	1	5		26
Chương 5: Nghiên cứu phát triển nông thôn	4	4	1	5		25
Tổng	20	30		20		135

5. Phương pháp dạy - học

Hình thức dạy học được áp dụng trong học phần bao gồm: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, nghiên cứu tính huống, thực hành ngoài đồng ruộng.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá kết quả điểm chuyên cần	Rubric 1	CLO6	30%
2	Làm bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO1	
3	Thuyết trình theo chủ đề (bài tập nhóm)	Rubric 3	CLO2	
4	Đánh giá kết quả bài thực hành	Rubric 4	CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Làm bài viết – tự luận	Rubric 2	CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức thi viết - tự luận	Rubric 3	CLO1,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số tiết lý thuyết, dự các tiết thảo luận và thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Mai Thanh Cúc, Quyền Đình Hà (2005). *Giáo trình Phát triển nông thôn*. NXB Đại học Nông nghiệp.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Trương Huy Chinh (2018), *Quy hoạch xây dựng nông thôn bền vững*. Nxb Nông nghiệp.

Học phần 37. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Marketing nông nghiệp/ Agriculture marketing

- Số tín chỉ: 03 (20LT; 30TL; 20TH)

- Mã học phần: 163095

- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về những nguyên lý cơ bản của marketing, những đặc điểm và chức năng của marketing, các chiến lược marketing

sản phẩm nông nghiệp, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giải thích được những nguyên lý cơ bản của marketing; những đặc điểm và chức năng của marketing; các chiến lược trong kinh doanh bao gồm về sản phẩm, giá sản phẩm và phân phối sản phẩm.

- CO2: Vận dụng được các kiến thức về marketing trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cây trồng, vật nuôi và vật tư nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động marketing trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- CO3: Xây dựng được chiến lược kinh doanh, phân phối tiêu thụ sản phẩm và marketing hiệu quả cho đơn vị/doanh nghiệp.

- CO4: Nhận thức được tầm quan trọng của marketing nông nghiệp và trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; marketing, tiêu thụ nông sản phẩm và các vật tư liên quan.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về dự án, các bước xây dựng chiến lược marketing sản phẩm nông nghiệp.

- CLO2: Xác định được thị trường người tiêu dùng và hành vi mua hàng của người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp; thị trường kinh doanh nông sản; phân khúc thị trường; chu kỳ sống sản phẩm; xác định mức giá; chiến lược giá; kênh phân phối cho các sản phẩm nông nghiệp.

- CLO3: Xây dựng được chiến lược sản phẩm được áp dụng trong kinh doanh nông nghiệp nói chung và kinh doanh sản phẩm chăn nuôi nói riêng với qui mô nhỏ.

- CLO4: Có thái độ đúng đắn về tầm quan trọng của marketing nông nghiệp; nhận thức đúng trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong vận dụng marketing để tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tiêu thụ nông sản phẩm và các vật tư liên quan.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Các khái niệm cơ bản về marketing, đặc điểm và chức năng của marketing nông nghiệp	2	0	0	0		10
Chương 2: Thị trường nông sản hàng hóa và định hướng hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp	4	4	3	0		36
Chương 3: Chiến lược sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp	3	4	3	6		30

Chương 4: Chiến lược giá cả nông sản hàng hóa trong kinh doanh nông nghiệp	4	6	3	7		27
Chương 5: Chiến lược phân phối nông sản hàng hóa	7	4	3	7		32
Tổng	20	18	12	20		135

5. Phương pháp dạy - học

Hình thức dạy học được áp dụng trong học phần bao gồm: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, nghiên cứu tính huống, thực hành ngoài đồng ruộng.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Làm bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO1	30%
2	Thuyết trình theo chủ đề nhóm	Rubric 3	CLO2	
3	Đánh giá kết quả bài thực hành	Rubric 4	CLO 2,3	
4	Đánh giá kết quả điểm chuyên cần	Rubric 1	CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Làm bài viết – tự luận	Rubric 5	CLO1, 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức thi viết - tự luận	Rubric 6	CLO2,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số tiết lý thuyết, dự các tiết thảo luận và thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Nguyên Cự (2005), *Giáo trình Marketing nông nghiệp*. Nxb Trường Đại học Ngoại ngữ, Hà nội.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

- Trần Minh Đạo (2012), *Giáo trình marketing căn bản*. Nxb Đại học KTQD, HN.
- Vũ Đình Thắng (2006), *Giáo trình kinh tế nông nghiệp*. Nxb Đại học KTQD, HN.

b. Khuyến nông/ Agriculture Extension

- Số tín chỉ: 03 (20LT; 30TL; 20TH)

- Mã học phần: 163316

- Bộ môn quản lý học phần: Khoa học cây trồng.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản trong hoạt động khuyến nông; Thực hiện lập kế hoạch, triển khai và đánh giá chương trình khuyến nông; Công tác truyền thông trong khuyến nông và một số phương pháp khuyến nông; Các vấn đề về công tác đào tạo trong khuyến nông; Một số phương pháp tiếp cận trong công tác khuyến nông.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên tắc cơ bản, nội dung hoạt động của khuyến nông, cơ cấu tổ chức quản lý khuyến nông và các hoạt động khuyến nông; cách lập kế hoạch triển khai đánh giá một chương trình dự án khuyến nông;

CO2: Cung cấp các kiến thức về công tác đào tạo và tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong khuyến nông; lập được kế hoạch khuyến nông và tham gia làm việc nhóm; đào tạo tập huấn trong các chương trình khuyến nông;

CO3: Cung cấp về các kiến thức về cách khai thác sử dụng các thiết bị truyền thông cho các hoạt động khuyến nông trong điều kiện cụ thể; lựa chọn cách tiếp cận phù hợp trong việc triển khai các hoạt động khuyến nông ở địa phương.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được những vấn đề cơ bản của khuyến nông; cách lập kế hoạch triển khai đánh giá một chương trình dự án khuyến nông; công tác truyền thông, đào tạo và tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong khuyến nông; các phương pháp tiếp cận trong khuyến nông.

CLO2: Thực hiện được hoạt động của công tác truyền thông trong khuyến nông; đào tạo và tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong khuyến nông;

CLO3: Vận dụng được cách tiếp cận phù hợp trong việc triển khai các hoạt động khuyến nông ở địa phương.

CLO4: Người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác khuyến nông và vai trò, trách nhiệm của người cán bộ khuyến nông trong việc đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất nhằm phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đại cương về khuyến nông	2	2	0	10		25
Chương 2: Lập kế hoạch, triển khai và đánh giá chương trình khuyến nông	3	5	2	5		25
Chương 3: Công tác truyền thông và phương pháp khuyến nông	5	5	2	5		30

Chương 4: Công tác đào tạo trong khuyến nông	5	5	2	5		30
Chương 5: Một số phương pháp tiếp cận trong khuyến nông	5	5	2	10		25
Tổng	20	30		20		135

5. Phương pháp dạy - học

Hình thức dạy học được áp dụng trong học phần bao gồm: thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm, nghiên cứu tính huống, thực hành ngoài đồng ruộng.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Làm bài tập cá nhân (trên lớp)	Rubric 1	CLO1	30%
2	Thuyết trình theo chủ đề (bài tập nhóm)	Rubric 1	CLO2	
3	Đánh giá kết quả bài thực hành	Rubric 1	CLO2,3	
4	Đánh giá kết quả điểm chuyên cần	Rubric 1	CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Làm bài viết – tự luận	Rubric 2	CLO1	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức thi viết - tự luận	Rubric 3	CLO1,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số tiết lý thuyết, dự các tiết thảo luận và thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Trần Quang Hân (2019), *Khuyến nông*, NXB Nông nghiệp.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Bộ NN&PTNT (2022), *Sổ tay khuyến nông*. Nxb Nông nghiệp.

2. Nguyễn Văn Linh (1999), *Khuyến nông*. Nxb Nông nghiệp, HN.

Học phần 38 . Kinh tế tài nguyên và môi trường/ resource economic and environment

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 12TL,12TH)

- Mã học phần: 161141

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: LN&PTNT

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về những vấn đề cơ bản của khoa học kinh tế tài nguyên môi trường; Môi trường và phát triển; Kinh tế tài nguyên; Kinh tế ô nhiễm môi trường; Các phương pháp đánh giá giá trị tài nguyên môi trường; Đánh giá tác động và quản lý môi trường.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu được các khái niệm cơ bản về tài nguyên, môi trường; kinh tế tài nguyên môi trường, mối liên hệ giữa phát triển kinh tế và môi trường, các nguyên nhân làm cho tài nguyên ngày càng cạn kiệt và môi trường ngày càng suy thoái và hành vi ứng xử của các cá nhân.

- CO2: Vận dụng được lý thuyết kinh tế vi mô, xác định được điểm khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như mức ô nhiễm tối ưu, từ đó vận dụng được các công cụ kiểm soát ô nhiễm.

- CO3: Có ý thức bảo vệ môi trường sống xung quanh, không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tuân thủ pháp luật trong bảo vệ môi trường.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được cơ khoa học của kinh tế tài nguyên môi trường; mối liên hệ giữa hoạt động kinh tế với các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên; các nguyên nhân kinh tế dẫn đến tài nguyên suy giảm, ô nhiễm và suy thoái môi trường; các biện pháp quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên; các công cụ quản lý kiểm soát ô nhiễm môi trường; quy trình đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư phát triển, quản lý môi trường trong phát triển bền vững.

- CLO2: Xác định được điểm khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như mức ô nhiễm tối ưu.

- CLO3: Vận dụng được các công cụ kiểm soát ô nhiễm; các giải pháp khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên, giải các bài tập vận dụng; các phương pháp đánh giá giá trị tài nguyên môi trường, các quy trình đánh giá tác động môi trường và các công cụ quản lý môi trường.

- CLO4: Tuân thủ pháp luật về các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường, giảm ô nhiễm môi trường, có ý thức trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để thực hiện công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	LT	TL,BT			
Chương 1: Những vấn đề cơ bản của khoa học kinh tế tài nguyên môi trường	2				10
Chương 2. Môi trường và phát triển	3	2			20
Chương 3. Kinh tế tài nguyên	4	2	8		15

Chương 4. Kinh tế ô nhiễm môi trường	4	2			20
Chương 5. Các phương pháp đánh giá giá trị tài nguyên môi trường	2	2			10
Chương 6. Đánh giá tác động và quản lý môi trường	3	2	4		15
Tổng số	18	12	12		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, thực hành, bài tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric 1	CLO1-5	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric 2	CLO 1	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc 3	CLO 2	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 4	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 5	CLO3-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá môn học:

- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập và tham gia đầy đủ số tiết thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu, các bài thảo luận, các bài tập, bài thu hoạch thực hành theo yêu cầu của giáo viên.
- Sinh viên cần dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và dự thi kết thúc học phần khi có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Song (2006), *Kinh tế tài nguyên môi trường*, NXB Hà Nội

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Lê Ngọc Uyển (2007), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Trường ĐH mở TP.HCM..

Học phần 39. Biến đổi khí hậu trong nông nghiệp/ Climate change in agriculture

- Số tín chỉ: 2 (LT:18, TL:12, TH: 12)
- Mã học phần: 161142

- Bộ môn quản lý học phần: LN&PTNT

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về nguyên nhân và biểu hiện của BĐKH; thực trạng, xu thế BĐKH toàn cầu và VN; những tác động của BĐKH đến lĩnh vực nông nghiệp; những biện pháp nhằm thích ứng, giảm thiểu và các chính sách của ngành nông nghiệp ứng phó với BĐKH; nông nghiệp thông minh với BĐKH ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- **CO1:** Học phần giải thích cho người học hiểu rõ những khái niệm và hiện tượng xảy ra trong tự nhiên trong điều kiện BĐKH và những tác động của BĐKH đối với nông nghiệp; Phân tích những biện pháp nhằm thích ứng, giảm thiểu cũng như các chính sách ứng phó với BĐKH ở Việt nam; Trình bày những tiến bộ kỹ thuật trong việc phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với BĐKH ở Việt nam.

- **CO2:** Học phần giúp cho người học có khả năng phân tích đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu, đề xuất các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Người học có được các định hướng nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

- **CO3:** Giúp người học hiểu và nhận thức được những tác động tiêu cực của BĐKH đến sản xuất cũng như đời sống xã hội từ đó có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên góp phần ứng phó với BĐKH.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần người học đạt các chuẩn đầu ra sau:

- **CLO1:** Phân tích được những biểu hiện, nguyên nhân, các tác động của biến đổi khí hậu; các biện pháp thích ứng, giảm nhẹ động của biến đổi khí hậu ở Việt nam; các chính sách của ngành nông nghiệp ứng phó với BĐKH ở Việt nam; các kỹ thuật trong việc phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với BĐKH ở Việt Nam.

- **CLO2:** Ứng dụng được các thành tựu khoa học công nghệ nhằm thích ứng và giảm nhẹ những tác động của BĐKH trong lĩnh vực nông nghiệp.

- **CLO3:** Xây dựng, đánh giá được các mô hình nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu.

- **CLO4:** Có ý thức trách nhiệm trong việc khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên nhằm giảm nhẹ những tác động của biến đổi khí hậu.

- 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Thực hành	Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	LT	TL;BT	Khác			
Chương 1: Đại cương về biến đổi khí hậu	2	2				12
Chương 2: Các tác động của biến	3	2				15

đổi khí hậu đến nông nghiệp					
Chương 3: Các biện pháp thích ứng và giảm thiểu BĐKH trong nông nghiệp	3	3			18
Chương 4: Một số chính sách của ngành nông nghiệp VN ứng phó với BĐKH	5	2			21
Chương 5: Nông nghiệp thông minh với biến đổi khí hậu	5	3		12	24
Tổng	18	12		12	

5. Phương pháp dạy – học: Học phân áp dụng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO1	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm	Rubric 3	CL2	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận	Rubric 5	CLO 2	20%
Thi cuối kì				
	Tự luận	Rubric 6	CLO 1,3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Viêt, Đinh Vũ Thanh (2014), *Biến đổi khí hậu và nông nghiệp*

Việt Nam. NXB Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt nam.

Tài liệu tham khảo

1. Viện khoa học khí tượng thủy văn và môi trường (2011), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt nam*. Nxb Khoa học và kỹ thuật.
2. Phan Đình Tuấn (chủ biên, 2017), *Giáo trình Biến đổi khí hậu*. NXB khoa học tự nhiên và Công nghệ.

Học phần 40. Quản lý nguồn nhân lực trong nông nghiệp/ Human resource management in agriculture

- Số tín chỉ: 2 (LT:18, TL,BT:24)
- Mã học phần: 161143
- Bộ môn quản lý học phần: LN & PTNT
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự hình thành nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực; Thị trường lao động và phân bố các nguồn nhân lực; Năng suất lao động và cường độ lao động; khoa học kỹ thuật công nghệ và tăng năng suất lao động; Đặc điểm lao động trong nông nghiệp. Các vấn đề chủ yếu về nguồn nhân lực, vai trò của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế để vận dụng trong điều kiện nguồn nhân lực trong nông nghiệp và phát triển kinh tế tại Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- C01: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về lao động và nguồn lao động, thị trường LĐ và các yếu tố cấu thành thị trường lao động, các vấn đề về năng suất lao động, việc làm và thất nghiệp trong nền kinh tế, tiền lương và các hình thức trả lương cho LĐ

- C02: Người học có người học có những kỹ năng cơ bản về tính toán và dự báo nguồn lao động và một số phương pháp tính lương trong các đơn vị kinh tế, gắn lý luận và thực tiễn để phân tích các vấn đề thị trường lao động Việt Nam hiện nay; các biện pháp tăng năng suất LĐ trong các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam.

- C03: Người học có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, tự học phần nội dung trong giáo trình bắt buộc được chỉ định trong đề cương này khi đến lớp; tham gia đặt câu hỏi và trình bày các quan điểm của mình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Phân tích được các vấn đề liên quan đến: khái niệm cơ bản về lao động và nguồn lao động, dân số hoạt động kinh tế và dân số không hoạt động kinh tế, những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng LĐ trong nông nghiệp.

- CLO2: Phân tích được các vấn đề cơ bản khác thị trường lao động như; giá cả sức lao động, vấn đề cạnh tranh, cơ sở hạ tầng của thị trường lao động; Có khả năng vận dụng các vấn đề cơ bản về năng suất lao động như: khái niệm, các chỉ tiêu tính NSLĐ phổ biến hiện nay.

- CLO3: Vận dụng các phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong phân tích tình huống thực tế; Xây dựng được kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong nông nghiệp.

- CLO4: Đánh giá được tình hình kinh tế địa phương và Việt Nam; Đánh giá được thực trạng và dự báo thất nghiệp lao động Việt Nam trong tương lai, đề xuất ý kiến giảm tỷ lệ thất nghiệp; Tính toán được tiền công tiền lương tại điểm cân bằng khi không có sự điều tiết của Nhà nước và XD đặc điểm lao động trong nông nghiệp.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	TL;BT	Tư vấn			
Nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực	3	2				20
Thị trường lao động	4	5				30
Năng suất lao động	3	5				25
Việc làm và tạo việc làm cho người lao động	2	3				10
Thất nghiệp	2	3				10
Thù lao lao động	2	3				20
Đặc điểm lao động trong nông nghiệp	2	3				20
Tổng cộng	18	24				135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Phương pháp tình huống; Hướng dẫn SV hoạt động nhóm/ thuyết trình.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Trắc nghiệm	Tính theo tỷ lệ số câu đúng/ tổng số câu	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO1,2	20%

Thi cuối kì				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO3,4	50%
2	Bài tập lớn (<i>sinh viên đủ đk làm BTL</i>)	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên, một điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu dạy học

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh (2012), *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*. NXB ĐH KTQD

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), *Giáo trình Quản trị nhân lực*. NXB ĐH KTQD

2. Vũ Hoàng Ngân, Phạm Thị Bích Ngọc (2019), *Giáo trình phát triển nguồn nhân lực*. NXB ĐH KTQD

Học phần 41. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Phân tích hoạt động kinh doanh/ *Business Activities Analysis*

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL: 0TH*)
- Mã học phần: 152030
- Bộ môn quản lý học phần: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng, vị trí của phân tích hoạt động kinh doanh trong quản lý kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các kỹ thuật phân tích cụ thể về chỉ tiêu kết quả sản xuất, tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất, tình hình sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp. Lượng hoá các nhân tố và xác định các nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: phân tích kết quả sản xuất; tình hình lao động; phân tích chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó có biện pháp khắc phục những hạn chế và nâng cao hiệu quả đối với hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở phân tích xác định được nguyên nhân, tác động của các yếu tố để từ đó có biện pháp xử lý đối với hoạt động kinh doanh.

- CO2: Người học có thể thực hiện thành thạo việc phân tích hoạt động kinh doanh cụ thể tại doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của nhà quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh vào học tập nghiên cứu các môn học khác và phục vụ cho viết chuyên đề tốt nghiệp.

- CO3: Người học có tác phong hoạt bát, sáng tạo, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để tiếp tục đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Trình bày được những khái niệm cơ bản và tác dụng, đối tượng, nội dung của phân tích HĐKD; các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh.

- CLO2: Phân tích các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp; tình hình thực hiện chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm, phân tích được các khoản mục chủ yếu của giá thành sản phẩm

- CLO3: Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, phân tích được tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành của những sản phẩm so sánh được.

- CLO4: Phân tích tính hình thực hiện kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu hoặc theo đơn đặt hàng, phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm; tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- CLO5: Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học						Tổng giờ tín chỉ
	Lý thuyết	TL, BT	Thực hành	Tự học	Tư vấn	KT ĐG	
Đối tượng và phương pháp phân tích HĐKD	4	4		10			7
Phân tích các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp	5	7		15		*	11
Phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp	7	10		20		**	15

Phân tích tình hình kết quả sản xuất- tiêu thụ và lợi nhuận của doanh nghiệp	8	12		15		*	16
Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp	3	3		25			5
Tổng	27	36		135			63

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 2-4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2-4	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO 1-2	20%
Thi cuối kỳ				
1	Viết	Đề thi và đáp án	CLO2-4	50%
2	Bài tập lớn	Rubrics BTL	CLO1-5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên một con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu..

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB ĐH KTQD.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2007), *Phân tích hoạt động kinh doanh*. NXB Lao động- Xã hội.

2. Nguyễn Ngọc Quang (2011), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

b. Kế toán quản trị chi phí/Cost accounting

- Số tín chỉ: 3 (27LT: 36TL: 0TH*)
- Mã học phần: 154008
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về vai trò nhiệm vụ kế toán quản trị; Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, Lập dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Hiểu và nắm vững kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kế toán quản trị; kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận. dự toán sản xuất kinh doanh.
- CO2: Phân tích được thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh.
- CO3: Vận dụng được mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận để phân tích đánh giá và tư vấn cho chủ đơn vị đưa ra các quyết định phù hợp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.
- CO4: Có khả năng lập dự toán sản xuất kinh doanh; phân tích và dự báo được tình hình sản xuất kinh doanh, phục vụ việc ra quyết định.
- CO5: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; thể hiện được khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, khả năng quản lý và dẫn dắt trong tổ chức và vận hành kế toán quản trị chi phí.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức lý thuyết về kế toán quản trị; kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; định giá bán sản phẩm; mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận. dự toán sản xuất kinh doanh.
- CLO2: Người học có khả năng phân tích được thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, có khả năng lập dự toán sản xuất kinh doanh
- CLO3: Người học có khả năng vận dụng mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận vào quá trình ra quyết định; vận dụng được nguyên tắc định giá bán để định giá bán sản phẩm trong các trường hợp cụ thể.
- CLO4: Vận dụng được lập các dự toán sản xuất kinh doanh
- CLO5: Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao. Có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1. Khái quát về Kế toán quản trị doanh nghiệp	3		1			15
Chương 2: Kế toán quản trị chi phí và giá thành	10		14			30
Chương 3: Mối quan hệ giữa Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận	8		9			50
Chương 4: Kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn	6		12			40
Tổng cộng	27		36			135

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3	10%	
3	Bài tập nhóm (2 bài)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,3	10%	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kỳ	CLO1,2,3	20%	
III	Thi cuối kỳ (01)				
	Vấn đáp/trắc nghiệm/viết.	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần,

không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2022), *Giáo trình Kế toán quản trị*. NXB Kinh tế quốc dân

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Điệp (2016), *Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất*. NXB Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí (2019), *Kế toán quản trị chi phí*. NXB Tài Chính

Học phần 42. Chọn 1 trong 2 học phần

a. Quản lý trang trại/ Farm management

- Số tín chỉ: 3 (20LT; 30TL; 20TH)

- Mã học phần: 161144

- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế trang trại, bản chất, đặc trưng của kinh tế trang trại, những vấn đề cơ bản về kinh tế trang trại trong nền kinh tế thị trường; các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến quản lý trang trại và các bước tổ chức lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong trang trại, thực hiện kế hoạch trong trang trại; tổ chức quản lý các yếu tố sản xuất trong trang trại, các yếu tố đất đai, vốn, lao động và các yếu tố sản xuất khác trong trang trại; nguyên tắc, nội dung hạch toán kinh doanh trong trang trại và phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh trong trang trại.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về kinh tế trang trại, bản chất, đặc trưng của kinh tế trang trại, những vấn đề cơ bản về kinh tế trang trại trong nền kinh tế thị trường và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến quản lý trang trại.

- CO2: Người học có kiến thức cơ bản về các bước tổ chức lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong trang trại, thực hiện kế hoạch trong trang trại, tổ chức quản lý các yếu tố sản xuất trong trang trại, các yếu tố đất đai, vốn, lao động và các yếu tố sản xuất khác trong trang trại; nguyên tắc.

- CO3: Người học có kỹ năng hạch toán kinh doanh trong trang trại và phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh trong trang trại.

- CO4: Người học có nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của kinh tế trang trại quá trình phát triển kinh tế đất nước, học tập và góp phần phát triển kinh tế trang trại, xây dựng phát triển kinh tế nông thôn giàu mạnh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được khái niệm về kinh tế trang trại, bản chất, đặc trưng của

kinh tế trang trại, những vấn đề cơ bản về kinh tế trang trại trong nền kinh tế thị trường, các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến quản lý trang trại và các bước tổ chức lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trong trang trại, thực hiện kế hoạch trong trang trại.

- CLO2: Phân tích được những vấn đề về tổ chức quản lý các yếu tố sản xuất trong trang trại, các yếu tố đất đai, vốn, lao động và các yếu tố sản xuất khác trong trang trại.

- CLO3: Xác định được những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức tiêu thụ sản phẩm và tổ chức hoạt động marketing trong trang trại, thực hiện được các nguyên tắc, nội dung hạch toán kinh doanh trong trang trại và phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh trong trang trại.

- CLO4: Xây dựng được chiến lược phát triển trang trại, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, quản lý các hoạt động sản xuất trong trang trại ; hạch toán kinh doanh trong trang trại và phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh trong trang trại.

- CLO5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động quản lý trang trại.

4. Nội dung học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận		
Chương 1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế trang trại trong nền kinh tế thị trường	3	4		15
Chương 2. Quản lý sản xuất kinh doanh trong trang trại	4	6		25
Chương 3. Tổ chức quản lý các yếu tố sản xuất trong trang trại	5	8		35
Chương 4. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong trang trại	4	6		30
Chương 5. Hạch toán kinh doanh và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong trang trại	4	6		30
Tổng	20	30	20	

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO 2-3	
3	Vấn đáp	Rubric 3	CLO1-3	

4	Thực hành	Rubric 4	CLO3-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO1,2	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO2-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80 số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Tuấn, Bùi Thị Minh Nguyệt (2014), *Giáo trình Quản lý trang trại*. NXB Nông Nghiệp.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Trọng (2006), *Trang trại quản lý và phát triển*. NXB LĐXH.

b. Kinh tế nông hộ và trang trại/Agribusiness management

- Số tín chỉ: 3 (20LT, 30TL, 20TH)
- Mã học phần: 161146
- Bộ môn quản lý học phần: LN&PTNT
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế hộ, kinh tế trang trại, quản trị trang trại; lý thuyết về kinh tế học trong khu vực sản xuất bao gồm những mối quan hệ có tính vật chất, mối quan hệ kinh tế; Khái niệm, ý nghĩa và hệ thống kế hoạch của trang trại, dự toán ngân sách phương án sản xuất, xây dựng kế hoạch sản xuất toàn trang trại; Khái niệm chung về quản lý các yếu tố sản xuất trong trang trại, tổ chức quản lý đất đai, tổ chức và quản lý tư liệu sản xuất trong trang trại; Hạch toán sản xuất trang trại, tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức liên quan đến vấn đề chung về kinh tế hộ và trang trại, Những mối quan hệ mang tính vật chất và kinh tế trong sản xuất nông nghiệp; hệ thống các kế hoạch của trang trại và lập dự toán ngân

sách phương án sản xuất; quản lý các yếu tố sản xuất trong trang trại; hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

- CO2: Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố sản xuất; kỹ năng lập phương án, dự toán ngân sách cho phương án và xây dựng kế hoạch sản xuất cho trang trại; kỹ năng tổ chức quản lý các yếu tố về đất đai, tư liệu sản xuất trong trang trại; kỹ năng hạch toán sản xuất và tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

- CO3: Hình thành cho người học thái độ học tập nghiêm túc, yêu thích môn học và có ý thức trách nhiệm trong công việc được giao. Người học nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế hộ và trang trại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần người học đạt các chuẩn đầu ra sau:

- CLO1: Phân tích được những thuận lợi, khó khăn, xu hướng phát triển, mối quan hệ giữa các yếu tố sản xuất trong trang trại.

- CLO2: Xây dựng được phương án, lập được dự toán ngân sách cho các phương án, phân tích bảng dự toán ngân sách cho phương án làm cơ sở cho việc ra quyết định lựa chọn phương án kinh doanh trang trại, xác định mục tiêu và lập kế hoạch SX cho trang trại.

- CLO3: Lập được kế hoạch chính xác nhu cầu các yếu tố sản xuất trong trang trại; Quy hoạch, bố trí và xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý.

- CLO4: Hạch toán được chi phí sản xuất và tính được giá thành sản phẩm, xác định được giá bán hợp lý; đề xuất được các biện pháp hạ giá thành sản phẩm và tiêu thụ tốt sản phẩm.

- CLO5: Tự tin, chủ động và sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức vào hoạt động liên quan đến quản lý kinh tế hộ và trang trại.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Giới thiệu về kinh tế hộ và trang trại	2	4				18
Chương 2: Lý thuyết về hành vi sản xuất	5	7				27
Chương 3: Kế hoạch sản xuất	4	2	4	6		30
Chương 4: Quản lý các yếu tố sản xuất trong trang trại	5	2	4	6		33
Chương 5: Hạch toán sản xuất và tổ chức tiêu thụ sản phẩm	4	3	4	8		27
Tổng	20	18	12	20		135

5. Phương pháp dạy – học: Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP Liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric 2	CLO2	
3	Thuyết trình chủ đề theo nhóm	Rubric 3	CLO1,3	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Tự luận	Rubric 5	CLO 2	20%
Thi cuối kì				
	Tự luận	Rubric 6	CLO 2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 con điểm thường xuyên, 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tiểu luận)
- Điểm kết thúc học phần: Học viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Học viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Hoàng Ngọc Việt (2000), *Quản lý sản xuất kinh doanh trong trang trại*. Nxb Nông nghiệp

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Trọng (2006), *Trang trại quản lý và phát triển*. NXB LĐXH.
2. Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *Quy định tiêu chí kinh tế trang trại*.

Học phần 43. Thực tập nghề nghiệp 1/ Professional Practice 1

- Số tín chỉ: 02 (OLT; OTL; 60TH*)
- Mã học phần: 161151
- Bộ môn quản lý học phần: LN&PTNT
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Thăm quan học tập tại một mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao (doanh nghiệp, hợp tác xã và trang trại). Từ đó vận dụng kiến thức đại cương về nông nghiệp; kiến thức cơ sở chuyên nghiệp như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, nguyên lý thống kê, kế toán, tài chính tiền tệ và các nội dung có liên quan nhằm đánh giá hiệu quả của mô hình.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên tổng hợp được các kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực hành, vận dụng để phân tích tình huống thực tế tại đơn vị thực tập, đề xuất các giải pháp trên cơ sở hoàn thiện bài thu hoạch theo chuyên đề đã nghiên cứu.

- CO2: Vận dụng và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian. Hoàn thiện các kỹ năng nghiệp vụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian; kỹ năng viết báo cáo.

- CO3: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, cần mẫn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của đơn vị mà người học tham gia thực hành nghề nghiệp; Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

- CLO2: Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp với cán bộ nhân viên trong đơn vị; thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin. Tìm hiểu được đặc điểm, tình hình hoạt động/kinh doanh tại đơn vị.

- CLO3: Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực hành, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực hành nghề nghiệp, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình. Hoàn thiện được bài thu hoạch khi kết thúc đợt thực hành nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1. Thăm quan học tập tại một mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao.	0			20	0	30
Nội dung 2. Tìm hiểu các điều kiện cụ thể diễn ra tại đơn vị;	0			20	0	30
Nội dung 3. Thực hiện một số nội dung liên quan đến đánh giá hiệu quả của mô hình.	0			20	0	30
Tổng	0			60	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm và lựa chọn các đơn vị thực hành nghề nghiệp có uy tín, chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra. Trong suốt quá trình thực hành tại đơn vị thực hành nghề nghiệp, sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của nhân viên; giảng viên hướng dẫn luôn sát sao theo dõi và sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Thực hành tại đơn vị thực hành nghề nghiệp
- Báo cáo thu hoạch thực tế

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO 3	20%
2	Thực hành tại đơn vị (Xuất nhập khẩu, thương mại...)	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,2	50%
3	Báo cáo thu hoạch thực tế	Rubric đánh giá báo cáo thực tế	CLO1,3	30%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành tại đơn vị thực hành (có hướng dẫn của giảng viên và có xác nhận của đơn vị), hoàn thành báo cáo thực tế.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Tôn Hoàng Thanh Huế, Lê Huy Chính (2019), *Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa*, NXB ĐHKQTĐ.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Văn Hoa, Trần Thị Văn Hóa (2012) - *Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh* – NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội.

2. Hoàng Đức Thân (2012), *Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh*, NXB KTQ

Học phần 44. Thực tập nghề nghiệp 2/ Professional Practice 2

- Số tín chỉ: 03 (OLT; OTL; 90TH*)
- Mã học phần: 161152
- Bộ môn quản lý học phần: LN&PTNT
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Thực tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về phân tích môi trường, nguồn lực trong kinh doanh nông nghiệp, chuỗi giá trị, phân tích chính sách kinh tế xã hội nhằm gắn kiến thức lý thuyết với các

nghiệp vụ chuyên môn thực tế liên quan đến lĩnh vực kinh tế tại các doanh nghiệp nông nghiệp. Trên cơ sở đó sinh viên có thể thành thạo chuyên môn nghiệp vụ khi tốt nghiệp ra trường.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên tổng hợp được các kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực hành, vận dụng để phân tích tình huống thực tế tại đơn vị thực tập, đề xuất các giải pháp trên cơ sở hoàn thiện bài thu hoạch theo chuyên đề đã nghiên cứu.

- CO2: Vận dụng và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian. Hoàn thiện các kỹ năng nghiệp vụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian; kỹ năng viết báo cáo.

- CO3: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, cần mẫn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của đơn vị mà người học tham gia thực hành nghề nghiệp; Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

- CLO2: Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp với cán bộ nhân viên trong đơn vị; thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin. Tìm hiểu được đặc điểm, tình hình hoạt động/kinh doanh tại đơn vị.

- CLO3: Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực hành, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực hành nghề nghiệp, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình. Hoàn thiện được bài thu hoạch khi kết thúc đợt thực hành nghề nghiệp.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1. Tìm hiểu tổng quan về đơn vị mà người học tham gia thực tập nghề nghiệp;	0			25	0	37
Nội dung 2. Tìm hiểu các nghiệp vụ cụ thể diễn ra tại đơn vị;	0			25	0	37
Nội dung 3. Thực hiện một số nội dung liên quan đến nghề nghiệp tại đơn vị thực tập.	0			40	0	61
Tổng	0			90	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm và lựa chọn các đơn vị thực hành nghề nghiệp có uy tín, chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra. Trong

suốt quá trình thực hành tại đơn vị thực hành nghề nghiệp, sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của nhân viên; giảng viên hướng dẫn luôn sát sao theo dõi và sẵn sàng giải đáp bất cứ thắc mắc nào của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Thực hành tại đơn vị thực hành nghề nghiệp
- Báo cáo thu hoạch thực tế

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO 3	20%
2	Thực hành tại đơn vị (Xuất nhập khẩu, thương mại...)	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,2	50%
3	Báo cáo thu hoạch thực tế	Rubric đánh giá báo cáo thực tế	CLO1,3	30%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành tại đơn vị thực hành (có hướng dẫn của giảng viên và có xác nhận của đơn vị), hoàn thành báo cáo thực tế.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Tôn Hoàng Thanh Huế, Lê Huy Chính (2019), *Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa*, NXB ĐHKQTĐ.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Văn Hoa, Trần Thị Văn Hóa (2012) - *Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh* – NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội.

2. Hoàng Đức Thân (2012), *Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh*, NXB KTG

Học phần 45. Thực tập tốt nghiệp/Graduation intership và Khoá luận tốt nghiệp/ Graduation Thesis

45a. Thực tập tốt nghiệp/Graduation intership

- Số tín chỉ: 05 (0, 0, 150)
- Mã học phần: 161161
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế và BM LN&PTNT
- Điều kiện được thực tập tốt nghiệp: Sinh viên phải tích lũy được 70% số tín chỉ các môn học.

1. Mô tả học phần

Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề theo các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tổ chức thực hiện các kế hoạch xuất nhập khẩu; quản lý và điều hành các công

việc về hợp đồng xuất nhập khẩu; nghiệp vụ xuất nhập khẩu như giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, và các tổ chức kinh tế phù hợp với chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Sinh viên tổng hợp được các kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào giải thích, phân tích tình huống thực tế tại doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xuất nhập khẩu nói riêng, các tổ chức kinh tế trong quá trình hội nhập nền kinh tế quốc tế.

- CO2: Vận dụng và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian; Kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định đúng đắn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập nền kinh tế quốc tế. Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược trong doanh nghiệp, các đơn vị, các tổ chức về kinh tế, kỹ năng viết báo cáo.

- CO3: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phần đầu trở thành người cán bộ vừa chuyên vừa hồng.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững và vận dụng các kiến thức chung và kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập,

- CLO2: Phân tích được tình huống thực tế tại doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xuất nhập khẩu nói riêng, các tổ chức KT trong quá trình hội nhập nền kinh tế quốc tế.

- CLO3: Áp dụng thành thạo kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định đúng đắn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập nền kinh tế quốc tế. Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược trong doanh nghiệp, các đơn vị, các tổ chức về kinh tế, đưa ra các nhận định các vấn đề kinh tế đơn vị thực tập và đề xuất một số giải pháp cải thiện hiệu quả tại các tổ chức, đơn vị thực tập.

- CLO4: Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực tập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực tập, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình.

- CLO5: Người học có năng lực tư duy sáng tạo, có khả năng học hỏi chuyên môn nghiệp vụ trong giai đoạn thực hiện thực tập tại các đơn vị. Hoàn thành báo cáo thực tập được đánh giá mức đạt trở lên.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
Giai đoạn 1: Thực tập tổng hợp (Thời gian: 4 tuần)						90
Giai đoạn 2: Thực tập chuyên đề và						135

viết báo cáo thực tập tốt nghiệp (6 tuần)					
Tổng				150	225

5. Phương pháp dạy - học

Tăng cường vận dụng phương pháp tự học đối với sinh viên, kết quả học tập thể hiện sự chủ động học hỏi của sinh viên với sự hướng dẫn trực tiếp từ giảng viên và cơ sở thực tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (0)				
Kiểm tra giữa kỳ (0)				
Viết báo cáo thực tập (01)				
1	Phần 1: Hồ sơ (Bao gồm Kế hoạch thực tập, Báo cáo GD 1, đề cương Báo cáo GD 2, Nhật ký thực tập) được đánh giá với trọng số 20% do GVHD chấm.			20%
2	Phần 2: Căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ sở thực tập			20%
3	Phần 3: Báo cáo TTTN, chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do BM đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng)	Rubric chấm báo cáo thực tập	CLO1,2,3, 4,5	60%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực tập tại đơn vị thực tập theo đúng kế hoạch thực tập, chủ động trao đổi với giảng viên và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch thực tập. Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nghiên cứu chuyên đề.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

Giáo trình liên quan đến chuyên đề thực tập.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu;
2. Tham khảo các tài liệu về chuyên ngành kinh tế nông nghiệp trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>.

45b. Khoá luận tốt nghiệp/ Graduation Thesis

- Số tín chỉ: 06

- Mã học phần: 161162
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Kinh tế và BM LN&PTNT
- Điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy học tập đạt 2.5 điểm trở lên (3 năm đầu), số các tín chỉ phải học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã tích lũy đến thời điểm xét và không bị hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

1. Mô tả học phần:

Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề theo các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tổ chức thực hiện các kế hoạch xuất nhập khẩu; quản lý và điều hành các công việc về hợp đồng xuất nhập khẩu; nghiệp vụ xuất nhập khẩu như giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, và các tổ chức kinh tế phù hợp với chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên nắm vững và vận dụng được các kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.
- CO2: Sinh viên có thể sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu và các phần mềm hỗ trợ để thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, khoa học.
- CO3: Sinh viên có thái độ tích cực, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích và đánh giá được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên đề khóa luận; Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp.
- CLO2: Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế. sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê để xử lý, phân tích dữ liệu để đạt được mục đích nghiên cứu.
- CLO3: Có thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: Lựa chọn đề tài nghiên cứu 1.1. Các chuyên ngành có thể lựa chọn 1.2. Yêu cầu khi lựa chọn đề tài				25		50

Chương 2: Xây dựng đề cương và tập hợp tài liệu tham khảo. 1.1. Xây dựng đề cương 1.2. Tập hợp tài liệu tham khảo				25		50
Chương 3: Xây dựng kế hoạch và tiến hành nghiên cứu				30		50
Chương 4: Hoàn thiện công trình nghiên cứu				30		50
Chương 5: Bản tóm tắt đề tài 5.1. Yêu cầu khi hoàn thiện bản tóm tắt 5.2. Hoàn thiện bản tóm tắt				30		30
Chương 6: Báo cáo kết quả nghiên cứu 6.1. Yêu cầu về báo cáo 6.2. Các sản phẩm báo cáo 6.3. Phương pháp báo cáo				40		40
Tổng				180		270

5. Phương pháp dạy học

Học phân sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
II	Kiểm tra giữa kỳ			
III	Thi cuối kì			
1	Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu	- Rubric đánh giá khóa luận	CLO1,2,3	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.

- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

Trần Tiến Khai (2014), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.

8.2. Tài liệu tham khảo

Tham khảo các tài liệu về chuyên ngành kinh tế trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>.

HỌC PHẦN THAY THẾ

Học phần 46: Chính sách phát triển nông thôn/ Rural development policy

- Số tín chỉ: 3 (20LT; 30TL; 20TH)
- Mã học phần: 161153
- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về nông thôn Việt Nam; Hoạch định chính sách phát triển nông thôn; Phương pháp luận về phân tích chính sách phát triển nông thôn; Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên thế giới; Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về tình hình và các giai đoạn phát triển của nông thôn Việt Nam; khái niệm chính sách phát triển nông thôn; khái niệm và các căn cứ, điều kiện hoạch định chính sách phát triển nông thôn.

- CO2: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về đặc điểm phát triển nông nghiệp, nông thôn; một số chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn trên thế giới và Việt Nam.

- CO3: Người học được trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả của việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- CO4: Người học có ý thức trách nhiệm trong học tập nghiên cứu chính sách phát triển nông thôn và trong các hoạt động xây dựng, phát triển nông thôn Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Đánh giá, phân tích được tình hình phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam qua các giai đoạn phát triển.

- CLO2: Trình bày được khái niệm chính sách phát triển nông thôn, hoạch định chính sách; các căn cứ hoạch định chính sách; yêu cầu của chính sách nông nghiệp, nông thôn; điều kiện để hoạch định chính sách nông nghiệp; Phân loại được chính sách nông nghiệp nông thôn và sắp xếp các công cụ, trình tự hoạch định chính sách.

- CLO3: Trình bày được đặc điểm phát triển nông nghiệp, nông thôn; đánh giá được chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn trên thế giới và Việt Nam.

- CLO4: Phân tích, đánh giá được thực trạng và hiệu quả của việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- CLO5: Đề xuất được giải pháp để thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn một cách hiệu quả tại địa phương.

4. Nội dung học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực Hành	
	Lý thuyết	Thảo luận		
Chương 1. Tổng quan về nông thôn Việt Nam	3	3		10
Chương 2. Hoạch định phát triển nông thôn	3	4		25
Chương 3. Phương pháp luận về phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn.	5	8		35
Chương 4. Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn điển hình trên thế giới	4	7		25
Chương 5. Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn điển hình Việt Nam	5	8		40
Tổng cộng	20	30	20	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-6	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO4-6	
3	Vấn đáp	Rubric 3	CLO1-2	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO4-6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-6	20%

III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO1-6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80 số tiết học trên lớp.

Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Chu Tiên Quang, *Giáo trình xây dựng và phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn*. Trường Đại học Lâm nghiệp Xuân Mai. Nông Nghiệp, 2010.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Mai Thanh Cúc, Quyền Đình Hà, *Giáo trình Phát triển nông thôn*. NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2005.

Học phần 47: Kinh tế nông thôn/ Rural economy

- Số tín chỉ: 3 (20LT; 30TL; 20TH)

- Mã học phần: 161154

- Bộ môn quản lý học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về kinh tế nông thôn của nước Việt Nam, đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học; những kiến thức cơ bản về kinh tế nông thôn, về cơ cấu kinh tế, phương hướng và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; vai trò, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế công nghiệp và kinh tế dịch vụ nông thôn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn kinh tế nông thôn, quan điểm và phương hướng phát triển kinh tế nông thôn, cơ cấu kinh tế nông thôn, phương hướng và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

- CO2: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về vai trò, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

- CO3: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội và các chính sách phát triển kinh tế nông thôn.

- CO4: Người học có khả năng đưa ra các giải pháp cho các vấn đề phát triển kinh tế nông thôn và lập quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- CO5: Người học có nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của kinh tế nông thôn trong quá trình phát triển kinh tế đất nước, từ đó có tinh thần học tập và lao động tích cực góp phần thúc đẩy phát triển bền vững nền kinh tế nước nhà theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn kinh tế nông thôn, quan điểm và phương hướng phát triển kinh tế nông thôn, cơ cấu kinh tế nông thôn, phương hướng và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

- CLO2: Trình bày được vai trò, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

- CLO3: Phân tích, đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế xã hội và các chính sách phát triển kinh tế nông thôn.

- CLO4: Đề xuất được các giải pháp hiệu quả để phát triển kinh tế nông thôn và lập quy - hoạch phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- CLO5: Tham gia tích cực, có hiệu quả các buổi học lí thuyết, thảo luận. Nghiêm túc áp dụng kiến thức trong buổi học thực hành, thực tế để vận dụng thành thạo các công cụ phân tích vấn đề trong xây dựng, phát triển kinh tế nông thôn.

4. Nội dung học phần

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy - học		Thực hành	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			
	Lý thuyết	Thảo luận		
Chương 1. Tổng quan về kinh tế nông thôn	3	4		15
Chương 2. Cơ cấu kinh tế nông thôn	4	6		25
Chương 3. Kinh tế nông nghiệp	5	8		35
Chương 4. Kinh tế công nghiệp nông thôn	4	6		30
Chương 5. Kinh tế dịch vụ nông thôn	4	6		30
Tổng cộng	20	30	20	135

5. Phương pháp dạy - học: Học phân áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học như sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (4 bài)			
1	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1-5	30%
2	Thảo luận nhóm	Rubric 2	CLO2-5	
3	Vấn đáp	Rubric 3	CLO1-2	
4	Thực hành	Rubric 4	CLO3-5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01 bài)			
	Viết	Rubric 5	CLO1-5	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 6	CLO1-5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80 số tiết học trên lớp.

Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.

Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Giáo trình bắt buộc

1. Vũ Đình Thắng, Hoàng Văn Định, Nguyễn Đình Nam, Hoàng Cường, *Giáo trình Kinh tế phát triển nông thôn*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2008.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Đình Thắng, *Giáo trình kinh tế nông nghiệp*. NXB Đại học kinh tế Quốc dân- Hà Nội, 2006.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

[1]. Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp VN (<https://vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/dao-tao-dai-hoc/cid/7544>)

[2]. Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế (hce.edu.vn/#/detail/contentchild/nganh-kinh-te-nong-nghiep/31195/45)

[3]. Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên (<http://fed.tuaf.edu.vn/bai-viet/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kinh-te-nong-nghiep-2020-7913.html>).

[4]. Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp, Texas A&M university, Agricultural Economics - BS, Rural Entrepreneurship Option. (<https://catalog.tamu.edu/undergraduate/agriculture-life-sciences/agricultural-economics/bs-rural-entrepreneurship-option/#programrequirementstext>).

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;
- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;
- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trường bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trường các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG

PGS,TS. Đậu Bá Thìn

